



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tháng 3/2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số : 0103818809 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 8 năm 2018
- Vốn điều lệ : 487.827.510.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 487.827.510.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3987 7515 : Fax: (84-24) 3974 4022
- Website : www.haiants.vn
- Mã chứng khoán : HAH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2009

- Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tiền thân là Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An được thành lập ngày 08/05/2009 theo Giấy ĐKKD lần đầu và mã số thuế 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp với mức VĐL 150.000.000.000 đồng. Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An được hình thành trên cơ sở góp vốn của bốn đơn vị bao gồm Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An) và Công ty cổ phần Hải Minh.
- Tháng 05/2009, Công ty xây dựng bến container đầu tiên.

Năm 2010

- Tháng 08/2010, Công ty thực hiện lắp đặt cần cầu chuyên dụng 45 tấn đầu tiên tại cầu tàu.
- Tháng 10/2010, thành lập công ty con 100% vốn – Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP) có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201126468
- Sau 20 tháng triển khai xây dựng, Cảng Hải An hoàn thành giai đoạn 1.

- Ngày 15/12/2010, Lễ khánh thành cảng container Hải An được tổ chức và tàu container “MV Mell Senang” với trọng tải 700TEU của hãng Mariana Express Lines Pte cập bến.
- Ngày 07/10/2010 Công ty thực hiện tăng VDL lên 187,5 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần 5, với sự góp vốn thêm từ 3 công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2011

- Ngày 06/02/2011, tàu “MV Ice Moon” trọng tải 700TEU cập bến.
- Ngày 06/07/2011, tàu “MV Paphos” trọng tải 700TEU của hãng Yangming Marine Transport (YML) cập bến.
- Ngày 05/11/2011, tàu container “MV Vinalines Pioneer” của hãng K-line trọng tải 560TEU cập bến.
- Ngày 19/09/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo GCN ĐKKD lần thứ 6 với 7 cổ đông sáng lập là: Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An), Công ty cổ phần Hải Minh, Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2012

- Ngày 01/03/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 50% vốn thành lập Công ty TNHH Đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL) với GCN ĐKKD và mã số thuế số 0201244461.
- Ngày 13/04/2012, Công ty nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An và tăng VDL lên 231,96 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 7.
- Ngày 28/04/2012, tàu “MV Pacific Grace” của hãng Pendulum Express Lines Pte trọng tải 836TEU cập bến.
- Ngày 14/08/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 20% vốn thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải (HAS) sau được đổi tên thành Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) với Giấy CN ĐKKD và mã số thuế 0201275526.

Năm 2013

- Ngày 05/01/2013, tàu container “MV Methi Bhum” của hãng Regional Container Lines (RCL) trọng tải 1000TEU cập bến.
- Tháng 04/2013, Công ty nhận chứng nhận ISO 9001 – 2008.

- Ngày 04/07/2013, tàu “MV YM Inventive” trọng tải 1.805TEU là tàu container lớn nhất có chiều dài 172,5m cập bến làm hàng tại cảng Hải An.
- Ngày 01/09/2013, Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Hải Phòng

Năm 2014

- Tháng 01/2014, tàu Leadtop trọng tải 600TEU (chở container lạnh) cập bến.
- Tháng 04/2014, tàu của các hãng liên kết OEL/YML trọng tải 1000TEU cập bến.
- Ngày 19/03/2014, Công ty kí thỏa thuận mua tàu container đầu tiên. Ngày 08/05/2014, tiếp nhận tàu MV “Haiian Park” tại Thượng Hải và tổ chức “Lễ bàn giao tàu” tại Hamburg. Ngày 16/05/2014, tàu MV “Haiian Park” chính thức tham gia vào tuyến vận tải container nội địa.
- Ngày 11/06/2014, Công ty tổ chức Lễ tiếp nhận tàu và công bố tuyến vận chuyển container nội địa với lịch tàu 03 chuyến/tuần.
- Ngày 25/07/2014, Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban chấp thuận thành công ty đại chúng theo Công văn số 4886/UBCK-QLPH ngày 29/08/2014.
- Ngày 20/10/2014, Công ty tiếp nhận tàu container thứ hai MV “Haiian Song” trọng tải 1.121TEU tại Singapore và đưa tàu vào hoạt động trên tuyến Hồ Chí Minh/Hải Phòng từ cuối tháng 10/2014.
- Ngày 22/12/2014, Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Ngày 21/01/2015, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHCM.
- Ngày 11/03/2015, cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
 - + Loại chứng khoán: Phổ thông
 - + Mã chứng khoán: HAH
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
 - + Số lượng chứng khoán niêm yết hiện tại: 23.196.232 CP
- Tháng 9/2015, Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ ba, tàu mang tên là “HAIAN TIME” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại THAILAND ngày 29 tháng 09 năm 2015. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Nhật năm 2001, đăng kiểm NK, sức chở 1.032 Teus, trọng tải 18.055 DWT với mớn 9,050m, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ. Tàu đã được đưa vào khai thác chuyến đầu tiên trên tuyến Hồ Chí Minh - Hải Phòng vào ngày 05/10/2015.

- Tháng 11/2015, thành lập công ty con 50,5% vốn - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT), có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201655535.

Năm 2016

- Ngày 10/3/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An tổ chức “Lễ kỷ niệm một năm ngày niêm yết cổ phiếu HAH tại HOSE và khai trương tuyến Liner vào cảng Cái Mép”.
- Ngày 22/05/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An khai trương Chi nhánh “Hải An Vũng Tàu” tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2017

- Ngày 01/01/2017, HAH chính thức trở thành Tổng đại lý cho hãng tàu SM Line Corporation-Hàn Quốc tại Việt Nam.
- Tháng 3/2017: Chuyển tàu đầu tiên của SM Line cập cảng Việt Nam
- Tháng 5/2017: Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ tư, mang tên “HAIAN BELL” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại BUSAN, HÀN QUỐC ngày 08 tháng 5 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2003, hiện được phân cấp đăng kiểm GL (Đức), sức chở 1.200 Teus, trọng tải 14.308 DWT, tốc độ tối đa 19 hải lý/giờ.
- Tháng 6/2017: Công ty đã đầu tư thêm tàu container thứ năm, tàu “HAIAN FAIR”. Tàu được Công ty tổ chức tiếp nhận tại RIO DE JANEIRO, BRAZIL ngày 06 tháng 6 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2007, hiện được phân cấp đăng kiểm ABS (Hoa Kỳ), sức chở 1.706 Teus, trọng tải 18.017 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.
- Ngày 21/9/2017: Ký kết hợp đồng liên doanh với Pantos Holding Incorporation (Hàn Quốc) để thành lập công ty liên doanh đầu tiên với nước ngoài: Công ty TNHH Pan-Hải An (PANHAIAN) với GCN ĐKDN và MST số 0201815115.
- Ngày 25/12/2017: Công ty góp 40% vốn thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An (HAFC).

Năm 2018

- Hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An, hoàn tất việc xây dựng giai đoạn 1 của dự án (xây dựng depot có tổng diện tích 80.000 m²) và tiến hành khai thác từ tháng 8/2018.
- Tháng 11/2018, Công ty đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN LINK, đóng năm 2010 tại Nhật, sức chở 1.060 TEU, trọng tải 15.204 DWT.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**- Ngành nghề kinh doanh chính**

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa,

- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
 - + Dịch vụ logistics
 - + Dịch vụ đại lý vận tải biển
- **Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị của công ty: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên, Phó Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm ngày 15/12/2018)
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 29/6/2018)
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 29/6/2018)
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 29/6/2018)

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty

nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do HĐQT bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Kiểm soát viên (từ nhiệm ngày 29/6/2018)
Ông Phùng Đình Phúc	Kiểm soát viên (từ nhiệm ngày 29/6/2018)
Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên (bổ nhiệm ngày 29/6/2018)
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên (bổ nhiệm ngày 29/6/2018)

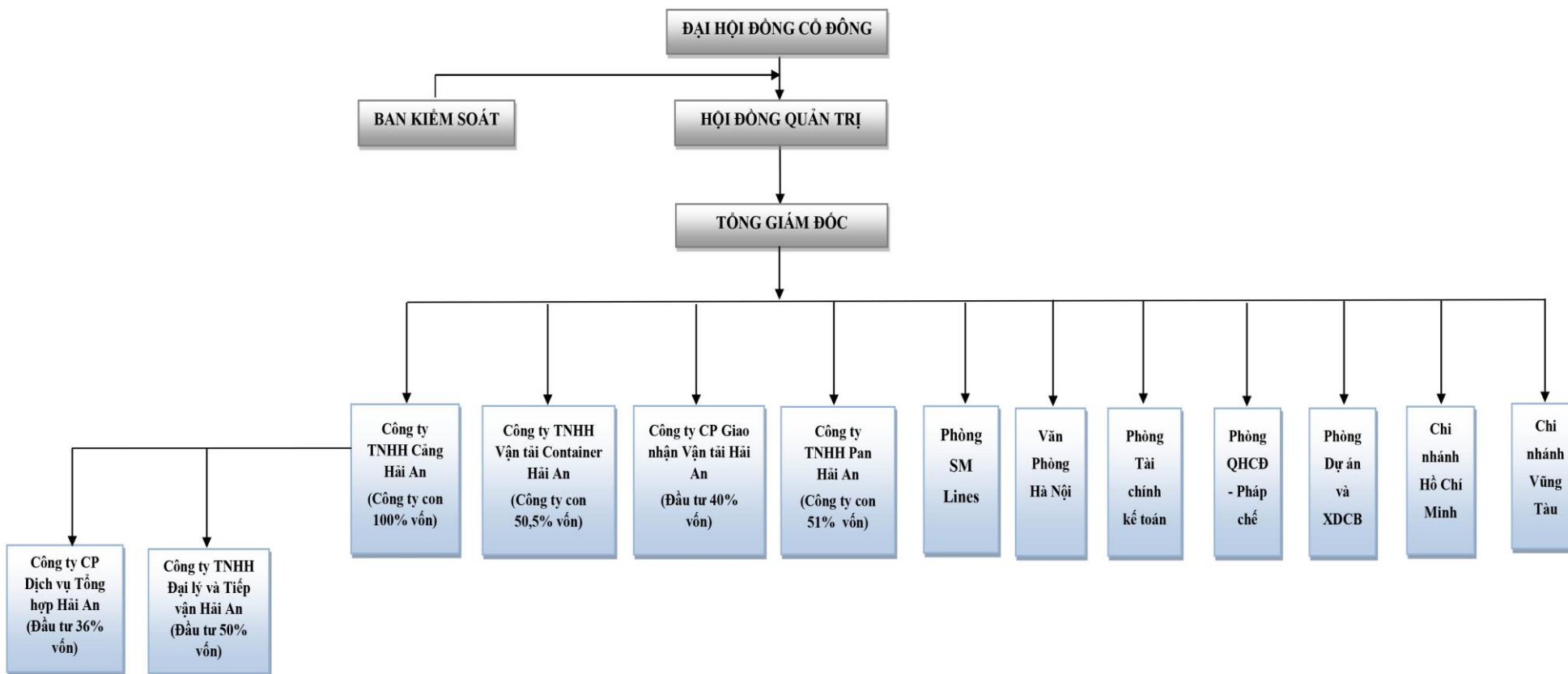
- **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15/8/2018)
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2018	Trụ sở
1	Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con	30.000.000.000 đồng	Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ...	100%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của công ty con	25.000.000.000 đồng	- Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....	50%	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
3	Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)	Công ty liên kết của công ty con	5.000.000.000 đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa...	36%	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
4	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con	200.000.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa...	50,5%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2018	Trụ sở
5	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết	5.000.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (bao gồm cho thuê tàu khai thác và thuyền viên) - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa 	40%	Phòng 502 tầng 5, Tòa nhà 133 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con	273.770.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, bãi container và lưu giữ hàng hóa - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa và công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa 	51%	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

5. Định hướng phát triển

- Về khai thác cảng: Cảng Lạch Huyện đã lắp đặt xong 6 cần cầu để đưa cả hai bên vào hoạt động (năm 2018 chỉ khai thác một bên), các cảng đang được đầu tư như Mipec (380m cầu), Vinalines (600m cầu) cũng dự kiến sẽ được đưa vào khai thác trong quý IV. Như vậy tổng công suất thiết kế của các cảng container ở khu vực Hải Phòng sẽ lên tới 8,5 triệu Teu/năm, trong khi dự kiến lượng hàng chỉ đạt tối đa là 5,5 triệu Teus, thừa công suất tới gần 40%. Do vậy tình trạng cạnh tranh để có việc làm sẽ ngày càng quyết liệt.
- Về vận tải: Qui định của IMO bắt buộc tàu biển phải sử dụng dầu nhiên liệu có hàm lượng Lưu huỳnh dưới 0,5% (LHO) sẽ có hiệu lực từ 01/01/2020 (Trung Quốc đã áp dụng cho vùng biển của họ từ 01/01/2019). Các chủ tàu container cỡ nhỏ đang phải đứng trước ba lựa chọn: (i) Lắp đặt bộ lọc khí thải với giá dao động từ 2,5 đến 4 triệu USD cho một tàu (trong khi rất nhiều tàu trên 12 tuổi có trọng tải dưới 30.000 tấn tương đương 2500 Teu có giá trị còn lại thấp hơn giá trị của bộ lọc này); (ii) hoặc sử dụng dầu với hàm lượng lưu huỳnh thấp với giá dự kiến cao hơn giá dầu hiện nay khoảng 250 đến 300 USD/Tấn; (iii) hoặc là phải bán sắt vụn các tàu cũ hiện có và chờ diễn biến của thị trường để quyết định có tiếp tục kinh doanh vận tải container hay không. Cho đến nay mới chỉ có khoảng 8% đội tàu container thế giới đã xác nhận hoặc ký hợp đồng lắp bộ lọc khí thải nhưng chỉ áp dụng cho các loại tàu có trọng tải lớn từ 10.000 Teus trở lên. Vì thế Công ty cũng đang phải chờ để xác lập kế hoạch dài hạn cho đội tàu.

Xuất phát từ bối cảnh nêu trên, Công ty đã xác định kế hoạch cho năm 2019 như sau: “Cố gắng duy trì hoạt động của cảng và đội tàu như năm 2018, tập trung đầu tư, phát triển các dịch vụ Logistics để duy trì và tạo thêm việc làm cho doanh nghiệp”.

Trên cơ sở những phân tích và nhận định trên đây, định hướng và chiến lược kinh doanh của Công ty là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển chung của ngành cảng biển - vận tải - logistics, với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của ngành cảng biển - vận tải - logistic trên thế giới.

6. Các nhân tố rủi ro

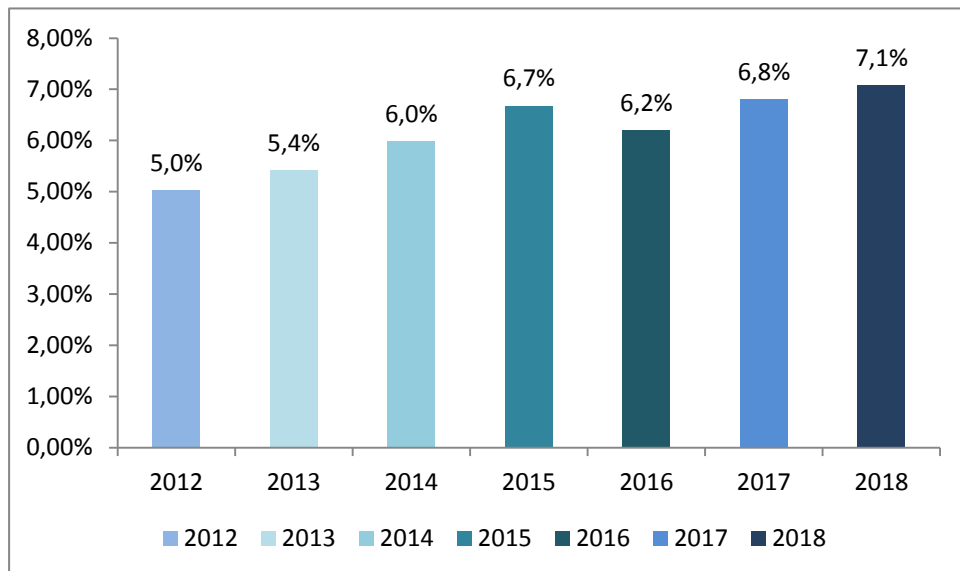
6.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải và khai thác cảng.

a) Tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 của Việt Nam là 7,08%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Mức tăng trưởng

năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.



Tăng trưởng GDP hằng năm của Việt Nam giai đoạn 2012 - 2018

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển và vận tải hàng hóa, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Lạm phát

Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức ổn định nhờ chính sách tiền tệ được duy trì thận trọng và xu hướng hạ nhiệt của giá xăng dầu và thực phẩm trong các tháng cuối năm 2018. CPI 2018 tăng 3,54% so với cùng kỳ và tăng 2,98% so với đầu năm. Trong năm 2018 các yếu tố chủ đạo tác động tăng lên chỉ số giá CPI bao gồm (1) giá lương thực - thực phẩm với tỷ trọng cao trong rổ hàng hóa đi cùng với việc giá thịt lợn tăng cao kể từ tháng 4, 5; (2) nhóm giao thông vận tải: xét tới các lần điều chỉnh tăng giá xăng dầu khi giá dầu thô Brent có thời điểm đạt 86 USD/thùng; (3) nhóm dịch vụ công như giáo dục với việc điều chỉnh học phí trong năm học mới. Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn duy trì xu hướng tăng dưới 2% cho cả năm không đột biến trong 3-5 năm trở

lại đây. Theo đó, trong bối cảnh Chính phủ có những động thái chủ động điều tiết hài hòa lộ trình tăng của các dịch vụ công như Điện, xăng dầu, y tế, giáo dục để hài hòa với các mặt hàng không thể kiểm soát như giá thực phẩm hay giá xăng dầu.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải như Hải An, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

c) Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Nhìn chung, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay năm 2018 tương đối ổn định, mặc dù một số ngân hàng đã có những động thái điều chỉnh tăng lãi suất huy động ở các kỳ hạn vào giai đoạn cuối năm. Lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm 2018, trong khi lãi suất cho vay bình quân đạt 8,91% so với mức 8,86% tại cùng kỳ năm ngoái. Có thể thấy động thái tăng lãi suất riêng lẻ ở một số ngân hàng chủ yếu do: (i) yếu tố mùa vụ - tăng nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay của khách hàng tăng cao trong những tháng cuối năm và chuẩn bị cho mùa kinh doanh đầu năm tới; (ii) kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động và (iii) các TCTD cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Basel II.

Đáng chú ý, sau quyết định của FED tăng lãi suất lần thứ tư trong năm 2018, tăng thêm 0,25% vào ngày 19/12/2018 đi cùng với xu hướng lạm phát tăng lên, NHTW của các nước sẽ có xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát.

d) Tỷ giá hối đoái

Sau giai đoạn khá bình ổn và không có quá nhiều biến động nửa đầu năm, tỷ giá bắt đầu chịu áp lực tăng mạnh kể từ giữa tháng 7, áp sát biên độ 3% so với tỷ giá trung tâm của NHNN và sau đó liên tục duy trì ở mức sát trần. Tính tới ngày 07/12, tỷ giá trung tâm tăng 339 đồng, tương ứng 1,51% so với thời điểm cuối năm 2017, được niêm yết ở mức 22.764 VND/USD.

Trong khi đó, ở chiều ngược lại tỷ giá của hệ thống NHTM tăng khoảng 2,53% kể từ đầu năm và cách không quá xa mức trần quy định của NHNN. Hiện tại, tỷ giá bán ra tại nhiều NHTM hiện phổ biến vào khoảng 23.360 VND/USD cao hơn 605 đồng so với thời điểm cuối năm 2017.

Mặc dù vậy, từ phía góc độ nhà điều hành, 2018 vẫn được coi là một năm điều hành hợp lý và thành công của NHNN thể hiện ở việc kết hợp linh hoạt nhiều công cụ nhằm dần lấy lại sự ổn định của tỷ giá trong đó có các biện pháp (1) bán ra lượng lớn ngoại tệ trong thời gian ngắn, thu hẹp chênh lệch cung cầu - đặc biệt là các nhu cầu tài chính ngắn hạn của các tổ chức, cá nhân. (2) Phát hành lượng lớn tín phiếu NHNN với kỳ hạn dài 140 ngày với lãi suất cao, thông qua đó, chủ động đẩy lãi suất liên ngân hàng VND lên mức cao hơn, hạn chế tình trạng đầu cơ hưởng chênh lệch trên thị trường liên ngân hàng. Mới đây nhất là việc (3) thực hiện bán kỳ hạn ngoại tệ trong 2 phiên 23 và 26/11 cho các tổ chức tín dụng có trạng thái ngoại tệ âm và có nhu cầu mua ngoại tệ. Hợp đồng đáo hạn ngày 31/01/2019, giá bán 23.462 VND/USD (+0,3% so với giá mua ngay) và cho phép hủy ngang. Các biện pháp có hiệu quả rõ rệt trong việc chặn đứng đà tăng của tỷ giá đặc biệt với các nhu cầu đầu tư tài chính ngắn hạn. Theo đó, tới đầu tháng 11, áp lực tỷ giá giao dịch tại thị trường tự do hay tại các NHTM cũng đã phần nào được giải tỏa. Tuy nhiên, NHNN vẫn có sự chuẩn bị cho các biến động cuối năm khi liên tục nhích tăng tỷ giá trung tâm.

Tuy nhiên do đặc thù của công ty, nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước mà không phải nhập khẩu nên tác động của biến động tỷ giá lên nguồn nguyên liệu đầu vào là không có. Mặc dù vậy, Công ty hiện đang vay ngoại tệ để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

6.2 Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro ngành

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ... Số liệu thống kê của Tổng cục thống kê cho thấy năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt hơn 482.2 tỷ USD, tương ứng tăng hơn 70

tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của chính sách biên mậu với Trung Quốc, là thị trường xuất nhập khẩu chủ chốt của Việt Nam. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ Trung Quốc trong mỗi giai đoạn ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh

Ngày 14/04/2013, dự án xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện chính thức được khởi công xây dựng. Đây là dự án nằm trong danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu giai đoạn đến năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007. Với mục tiêu phát triển cảng Hải Phòng tại khu bến Lạch Huyện để có thể tiếp nhận cỡ tàu tới 100.000 DWT (tàu container 8.000 TEU), dự án dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 05 năm 2018. Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Hải An nói riêng.

Ngoài ra Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm 20% giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng.

Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Hải An trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động chuẩn bị kế hoạch đầu tư tàu container và tổ chức tuyến vận tải container nội địa từ cuối năm 2013 nhằm đảm bảo công việc cho cảng Hải An. Với việc phát triển tuyến vận chuyển container nội địa và hợp tác với các hãng vận tải container nước ngoài duy trì các tuyến vận chuyển container ngắn (Feeder) nhằm đảm bảo “đầu vào” cho cảng, chắc chắn hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ được đảm bảo. Bên cạnh việc duy trì và phát triển dịch vụ vận tải container Công ty đã thành lập liên doanh với đối tác Hàn Quốc để đầu tư xây dựng và kinh doanh một Depot tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ nhằm cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu kho hàng hóa, thu gom và phân phối hàng lẻ, bảo dưỡng sửa chữa container... nhằm khép kín qui trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh. Trong năm 2018 và các năm sau Công ty sẽ tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi tại Vũng Tàu, nhờ vậy kể từ năm 2019-2020 Công ty có thể hoàn chỉnh chuỗi Logistics của mình bao gồm Vận tải container, Khai thác cảng container và Cung cấp dịch vụ

thu gom (Consolidation), phân phối (Distribution) và thông quan (Custom Clearance) cho hàng hóa vận chuyển bằng container tại hai khu vực chính của đất nước là Hải Phòng-Hà Nội và Vũng tàu-Hồ Chí Minh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về hoạt động cảng biển

Sản lượng thông qua Cảng trong năm 2018 bị giảm mạnh do cạnh tranh khốc liệt tại khu vực Hải Phòng. Từ tháng 4 năm 2018, Pendulum Express đã chấm dứt hoạt động của tuyến HPH (ghé cảng Hải An) / HKG / YAN (sau hơn 5 năm khai thác trên tuyến này) và chuyển hoạt động khai thác sang cảng Lạch Huyện (HITC) sử dụng được tàu có trọng tải lớn hơn làm cảng bị mất một chuyến khai thác (hàng ngoại) / tuần. Từ tháng 6 năm 2018, cảng đã thuyết phục thành công X-Press Feeder chuyển tuyến khai thác HPH / HKG / Khâm Châu từ cảng Tân Vũ sang cảng Hải An nhằm bù lại sự thiếu hụt do PEL bỏ tuyến, tuy vậy sản lượng hàng không được cao như PEL trước đây. Trong năm 2018, Cảng đón trung bình 4-5 chuyến tàu/tuần. Cảng đã đảm bảo năng suất bốc xếp đạt bình quân 70 container/giờ (khoảng 120 TEU), đáp ứng được tiến độ giải phóng tàu.

Đơn vị: TEU

	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ
<i>Tổng sản lượng khai thác cảng</i>	<i>320.000</i>	<i>305.755</i>	<i>95,55%</i>
- Bốc xếp hàng xuất nhập khẩu	102.500	94.768	92,46%
- Bốc xếp hàng nội địa	217.500	210.987	97,01%

1.2. Về hoạt động vận tải

Tuyến vận tải nội địa thường xuyên có 22-26 chuyến tàu và xu hướng tiếp tục tăng thêm trong thời gian tới. Công ty tiếp tục duy trì khai thác tuyến nội địa 03 chuyến/tuần (trong đó có 02 chuyến vào Cái Mép). Từ tháng 5 năm 2018, công ty bắt đầu ghé thêm cảng Đà Nẵng với lịch tàu trung bình 01 chuyến/tuần nhằm hoàn thiện mạng lưới khai thác của tuyến nội địa. Sản lượng hàng hóa tuyến nội địa vẫn duy trì ổn định (mặc dù giá cước chiều HCM - HPG có xu hướng giảm), đặc biệt là sản lượng hàng khu vực Cái Mép tăng trưởng tốt (kể cả hàng nội địa và hàng chuyển tải), bình quân đạt 1.000 - 1.500 TEU/tuần. Công ty đã ký Hợp đồng vận chuyển với hầu hết các hãng tàu và khách hàng lớn tại khu vực Cái Mép như: Hapag Lloyd (HL), Ocean Network Express (ONE), Yangming, Hyundai, Đạm Phú Mỹ, Nhựa Phú Mỹ,

TPC VINA, TAICEIRA... Tháng 3/2018, HACT (Công ty con) đã bán và bàn giao thành công tàu HAIAN FAIR để cơ cấu lại đội tàu, tạo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ
<i>Tổng sản lượng khai thác tàu</i>	<i>225.000</i>	<i>219.711</i>	<i>99,93%</i>

2. Tổ chức nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
2	Phạm Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
3	Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

2.2 Sơ yếu lí lịch Ban Điều hành**- Ông Vũ Thanh Hải**

Họ và tên: Vũ Thanh Hải
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973
Nơi sinh: Thái Bình
CMND: 024100797, nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 68 Bis Huỳnh Mẫn Đạt, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại công ty: 024 39876556
Số điện thoại di động: 0913239196
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1995 - 2001: Cán bộ thị trường, Đại diện trường Chi nhánh Singapore Công ty LD Gemartrans
 - 3/2001 - 4/2002: Phó phòng Khai thác – Ban Quản lý tàu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
 - 5/2002 - 2009: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức
 - 2009 - 09/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd.
 - 10/2014 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức ; Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd;
 - Tháng 11/2013 - nay: ủy viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
 - Ngày 16/10/2014 - nay: được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
 - Ngày 13/11/2015 - 5/10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An, thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
 - Ngày 5/10/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
 - Tháng 10/2017 - nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Pan Hải An
 - Tháng 10/2017 - 7/2018: Tổng giám đốc Công ty TNHH Pan Hải An
 - Tháng 8/2018 - nay: Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Cá nhân sở hữu: 2.250 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

Bà Phạm Thị Hồng Nhung

Họ và tên: Phạm Thị Hồng Nhung
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 03/09/1975
Nơi sinh: Hải Phòng
CMND: 030947413, ngày cấp 12/10/2009 nơi cấp: Sở Công an Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 68 Lô 27 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 024.39876556
Số điện thoại di động: 0912236696
Địa chỉ email: Nhung.pth@haiants.vn
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán doanh nghiệp.

Quá trình công tác:

- Từ 7/1997 đến 12/1998: Nhân viên Ban tổ chức lao động tiền lương Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng
- Từ tháng 1/1999 đến 7/2002: Nhân viên Ban kế toán Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng nay là Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng.
- Từ tháng 8/2002 đến 7/2004: Phó phòng, phụ trách Phòng kế toán Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng
- Tháng 8/2004 đến tháng 2/2011: KTT, Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng.
- Từ 05/2011 đến nay: KTT Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.
- Ngày 13/11/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Ngày 5/10/2017 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu: 6.750 cổ phần chiếm 0,014% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Họ và tên:	Nguyễn Ngọc Tuấn
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/11/1974
Nơi sinh:	Hà Nam

CMND	031782761 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 6 năm 2009
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 153C Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Số điện thoại công ty:	024.39876556
Số điện thoại di động	0912569414
Địa chỉ email:	Tuan.nn@haiants.vn
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điều khiển tàu biển Cử nhân kinh tế đối ngoại
Quá trình công tác:	
<ul style="list-style-type: none"> - Từ đầu năm 1999 đến năm 2004: thuyền viên thuộc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế. - Từ năm 2004 đến năm 2008: Trưởng phòng Khai thác thuộc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty CP Hàng Hải Hà Nội - Từ năm 2009 đến hết năm 2010: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2013: Giám đốc CTCP dịch vụ hàng hải Hải Âu - Từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 02/2015 đến tháng 10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Từ 10/1/2017 đến nay: thành viên HĐQT CTCP dịch vụ tổng hợp Hải An - Từ tháng 10/2017 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Từ tháng 10/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An 	
Cá nhân sở hữu	11.125 cổ phần chiếm 0,023% vốn điều lệ

2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động

- Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
Tổng số lao động	360
Phân theo giới tính	
- Nam	259
- Nữ	101
Phân theo trình độ học vấn	

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
- Trình độ đại học trở lên	195
- Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp	32
- Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	82
- Lao động phổ thông	51
Phân theo phân công lao động	
- Viên chức quản lý chuyên trách	62
- Viên chức quản lý không chuyên trách	0
- Lao động trực tiếp	298

- **Chính sách đối với người lao động**

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- Duy tu sửa chữa mặt bãi và một số hạng mục phụ trợ khác.
- Hoàn thành gói nạo vét khu vực trước bến đảm bảo độ sâu -8,9m (theo thông báo của TCT BĐATHH phía Bắc) và đã hoàn thành thủ tục xin mở vũng xoay trước bến của Cảng Hải An có chiều rộng đến 230m.
- Tháng 11/2018, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN LINK, đóng năm 2010 tại Nhật, sức chở 1.060 TEU, trọng tải 15.204 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được ký hợp đồng cho thuê định hạn với hãng tàu Namsung của Hàn Quốc từ ngày 22/11/2018.
- Hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An, hoàn tất việc xây dựng giai đoạn 1 của dự án (xây dựng depot có tổng diện tích 80.000 mét vuông) và tiến hành khai thác từ tháng 8/2018.
- Kho CFS trong cảng đã được công ty HAAL (công ty liên kết) hoàn thiện việc sửa chữa và nâng cấp và khai thác trở lại từ tháng 11 năm 2018.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)**

Công ty TNHH Cảng Hải An là công ty có 100% vốn của Công ty Mẹ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ liên quan đến cảng biển bao gồm: xếp dỡ hàng hóa và container, dịch vụ kho CFS và kho ngoại quan, dịch vụ Depot, dịch vụ lưu container lạnh, vận chuyển hàng hóa thủy nội địa, dịch vụ Logistics...

Năm 2018 Cảng khai thác 263 chuyến trong đó khai thác tại cảng khác 13 chuyến, sản lượng thông qua đạt 305.755 teus (giảm 20% so với 381.987 teus thông qua trong năm 2017), tổng doanh thu hoạt động khai thác Cảng đạt 278 tỷ.

- **Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL)**

Công ty đồng thời vừa làm đại lý cho hãng tàu Penexline (Singapore), vừa phát triển kinh doanh vận tải biển nội địa và dịch vụ logistic, đã từng bước nâng cấp và hoàn chỉnh bộ máy tổ chức, khẳng định chất lượng dịch vụ trên thị trường vận tải, tạo uy tín và được khách hàng đánh giá cao.

Tổng doanh thu đạt 24,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2,34 tỷ đồng.

- **Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)**

Công ty từng bước khẳng định mục tiêu hoạt động, ngoài cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vệ sinh sửa chữa container và vận tải cho Cảng, Công ty còn tham gia cung cấp dịch vụ vận tải cho các công ty liên kết, tăng thêm việc làm cho người lao động.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

- + Doanh thu: 22,191 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế: âm 488 triệu đồng.

- **Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)**

Thành lập từ tháng 11/2015, hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển, Công ty dần dần hoàn thiện, kiện toàn bộ máy quản lý, khai thác đội tàu và quản lý kỹ thuật đội tàu, duy trì và tăng cường công tác quản lý kỹ thuật thường xuyên đảm bảo tình trạng tàu hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu khai thác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

- + Doanh thu: 1.085,3 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế: 57,6 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài chính
Đơn vị: 1.000 VND

TT	Chỉ tiêu <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>	BCTC Công ty mẹ			BCTC Hợp nhất		
		Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	791.478	1.108.058	+40,00	1.309.071	1.655.980	+26,50%
2	Doanh thu thuần	451.543	479.693	+6,23	777.930	1.054.283	+35,52%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.477	100.389	-34,59	172.267	164.439	-4,54%
4	Lợi nhuận khác	591	17.102	+2793,74	327	23.396	+7054,74%
5	Lợi nhuận trước thuế	154.068	117.491	-23,74	172.595	187.835	+8,83%
6	Lợi nhuận sau thuế	137.894	103.729	-24,78	152.573	158.895	+4,14%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	-	-	20%	-	-

- Các chỉ tiêu khác: Không có

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,81	3,33	1,31	2,37	
1	+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,79	3,14	1,17	2,23	
	2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	0,19	0,18	0,36	0,26	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	0,23	0,22	0,57	0,36	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho (lần) <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	47	32	17	23	
3	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,53	0,51	0,68	0,71	

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	30,54	21,62	19,61	15,07	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	22,98	13,39	21,63	15,47	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	16,04	10,92	13,41	10,72	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	33,99	20,93	22,14	15,60	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2018)
5.1 Cổ phần

Số lượng cổ phiếu của Công ty không thay đổi và là 48.782.751 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (48.782.751 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 48.209.698 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 573.053 cổ phiếu.

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 11/3/2019)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước				
1	Tổ chức	20.151.084	41,31%	29
2	Cá nhân	18.217.997	37,35%	1.306
Cổ đông nước ngoài				
3	Tổ chức	9.116.782	18,69%	21
4	Cá nhân	723.835	1,48%	37
	Cổ phiếu quỹ	573.053	1,17%	-
	Tổng cộng	48.782.751	100%	1.393

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời điểm tăng vốn	Vốn đăng ký và thực góp (VND)	Giá trị tăng vốn thực góp (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
02/8/2018	487.827.510.000	142.749.330.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2018	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 25/GCN-UBCK của Chủ tịch UBCKNN ngày 13/4/2018. - Công văn số 4254/UBCK-QLCB ngày 10/7/2018 về kết quả chào bán cổ phiếu HAH ra công chúng. - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 87/2014/GCNCP-VSD-2 ngày 27/7/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

				Việt Nam. - Quyết định số 292/QĐ-SGDHCM v/v thay đổi niêm yết ngày 31/7/2018 của TGD SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
--	--	--	--	--

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc

1. Kinh doanh

1.1 Về hoạt động cảng biển

- Sản lượng thông qua Cảng trong năm 2018 bị giảm mạnh do cạnh tranh khốc liệt tại khu vực Hải Phòng. Từ tháng 4 năm 2018, Pendulum Express đã chấm dứt hoạt động của tuyến HPH (ghé cảng Hải An) / HKG / YAN (sau hơn 5 năm khai thác trên tuyến này) và chuyển hoạt động khai thác sang cảng Lạch Huyện (HITC) sử dụng được tàu có trọng tải lớn hơn làm cảng bị mất một chuyến khai thác (hàng ngoại) / tuần. Từ tháng 6 năm 2018, cảng đã thuyết phục thành công X-Press Feeder chuyển tuyến khai thác HPH / HKG / Khâm Châu từ cảng Tân Vũ sang cảng Hải An nhằm bù lại sự thiếu hụt do PEL bỏ tuyến, tuy vậy sản lượng hàng không được cao như PEL trước đây.
- Trong năm 2018, Cảng đón trung bình 4-5 chuyến tàu/tuần.
- Cảng đã đảm bảo năng suất bốc xếp đạt bình quân 70 container/giờ (khoảng 120 TEU), đáp ứng được tiến độ giải phóng tàu.

1.2 Về hoạt động vận tải:

- Tuyến vận tải nội địa thường xuyên có 22-26 chuyến tàu và xu hướng tiếp tục tăng thêm trong thời gian tới. Công ty tiếp tục duy trì khai thác tuyến nội địa 03 chuyến/tuần (trong đó có 02 chuyến vào Cái Mép). Từ tháng 5 năm 2018, công ty bắt đầu ghé thêm cảng Đà Nẵng với lịch tàu trung bình 01 chuyến/tuần nhằm hoàn thiện mạng lưới khai thác của tuyến nội địa.
- Sản lượng hàng hóa tuyến nội địa vẫn duy trì ổn định (mặc dù giá cước chiều HCM - HPG có xu hướng giảm), đặc biệt là sản lượng hàng khu vực Cái Mép tăng trưởng tốt (kể cả hàng nội địa và hàng chuyển tải), bình quân đạt 1.000 - 1.500 TEU/tuần. Công ty đã ký Hợp đồng vận chuyển với hầu hết các hãng tàu và khách hàng lớn tại khu vực Cái Mép như: Hapag Lloyd (HL), Ocean Network Express (ONE), Yangming, Hyundai, Đạm Phú Mỹ, Nhựa Phú Mỹ, TPC VINA, TAICEIRA...
- Tháng 3/2018, HACT đã bán và bàn giao thành công tàu HAIAN FAIR để cơ cấu lại đội tàu, tạo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.3 Các dịch vụ khác:

- HAAL tiếp tục thực hiện công việc đại lý cho Pendulum Express đối với tuyến feeder HPH / Hongkong / Yantain tới tháng 4 năm 2018 và tuyến China / India từ tháng 6 tại cảng Lạch Huyện. Công ty cũng đã tiếp nhận, sửa chữa và nâng cấp nhà kho 4000m2 trong cảng Hải An và đưa vào khai thác từ tháng 11 năm 2018.
- Công tác Đại lý cho hãng tàu SM Lines vẫn được duy trì ổn định. Bộ phận Đại lý của SM Lines đã phối hợp, thực hiện tốt các yêu cầu từ Principal và luôn đạt được quota performance do Head Office chỉ định.
- Hoạt động của công ty HAGS trong năm 2018 không có nhiều tiến triển. Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh bị lỗ cho năm 2018.
- Với mục đích hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ vận tải, trong năm 2018 HAI AN group chào đón thêm 02 công ty thành viên mới là HAFC và PAN HAIAN. Công ty HAFC bắt đầu đi vào hoạt động chính thức từ tháng 1 năm 2018 với chức năng chính là khai thác hàng door / door trên tuyến nội địa và thực hiện công việc đại lý cho HACT tại khu vực Đà Nẵng. Mặc dù là công ty mới được thành lập nhưng HAFC đã đạt được những kết quả rất khả quan về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2018 và có đóng góp rất khá lớn cho sản lượng vận chuyển của HACT trên tuyến nội địa. Công ty PAN HAIAN (liên doanh giữa HATS và đối tác Pantos Holding của Hàn Quốc) đã hoàn tất giai đoạn 1 của dự án và tiến hành khai thác 80,000 m2 bãi depot từ tháng 9 năm 2018. Tính đến ngày 31/03/2019 PAN HAIAN đã đạt được sản lượng lưu bãi trung bình trên 2.000 teus cùng với sản lượng container nhập xuất đạt ở mức trung bình 200 movement/ngày.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ (%)
1	Tổng sản lượng	TEU	545.000	525.466	96,42
	- Khai thác cảng	TEU	320.000	305.755	95,55
	- Khai thác tàu	TEU	225.000	219.711	97,65
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	1.118.531	1.092.717	97,69
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	132.561	135.159	101,96

2. Xây dựng cơ bản và đầu tư

- Duy tu sửa chữa mặt bãi và một số hạng mục phụ trợ khác.
- Hoàn thành gói nạo vét khu vực trước bến đảm bảo độ sâu -8,9m (theo thông báo của TCT ĐATHH phía Bắc) và đã hoàn thành thủ tục xin mở vũng xoay trước bến của Cảng Hải An có chiều rộng đến 230m.
- Tháng 11/2018, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN LINK, đóng năm 2010 tại Nhật, sức chở 1.060 TEU, trọng tải 15.204 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được ký hợp đồng cho thuê định hạn với hãng tàu Namsung của Hàn Quốc từ ngày 22/11/2018.

- Hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An, hoàn tất việc xây dựng giai đoạn 1 của dự án (xây dựng depot có tổng diện tích 80.000 mét vuông) và tiến hành khai thác từ tháng 8/2018.
- Kho CFS trong cảng đã được công ty HAAL hoàn thiện việc sửa chữa và nâng cấp và khai thác trở lại từ tháng 11 năm 2018.

3. Công tác quản lý

- Cuối tháng 6 năm 2018, công ty đã hoàn tất việc góp vốn bổ xung (gần 200 tỷ VND) để phục vụ cho các công việc đầu tư và kế hoạch phát triển trong tương lai.
- Ngày 30/11/2018, tổ chức thành công Lễ Khai trương Trung tâm Logistics Pan Hải An giai đoạn 1 và giải Golf Tournament để tri ân các khách hàng của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện sơ đồ tổ chức của công ty mẹ (HATS) và các công ty thành viên. Thực hiện công việc tuyển dụng nhân sự cao cấp bổ sung cho bộ máy lãnh đạo của công ty.
- Hoàn thành các công tác quyết toán thuế năm 2017 và phát hành hóa đơn điện tử cho HAIAN GROUP (trừ Panhaian và HAAL).
- Hoàn thiện Hệ thống phần mềm BRAVO tại các công ty con, liên kết đáp ứng và tăng hiệu quả quản lý.

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài sản

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018
I	Tài sản ngắn hạn	229.122.995.157	353.263.018.581	367.329.516.653	587.779.335.179
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	114.378.534.552	184.928.446.586	167.334.700.107	272.125.233.675
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	13.500.000.000	-	13.500.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	109.948.803.865	113.538.431.908	128.021.600.809	217.513.466.269
4	Hàng tồn kho	2.693.495.269	20.208.196.789	38.846.510.867	34.979.953.834
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.102.161.471	21.087.943.298	33.126.704.870	49.660.681.401
II	Tài sản dài hạn	562.354.628.222	754.794.924.703	941.741.758.570	1.068.200.173.118
1	Các khoản phải thu dài hạn	91.682.721.143	46.713.470.000	3.360.721.143	1.713.470.000
2	Tài sản cố định	261.957.896.552	440.706.178.144	753.287.413.797	812.401.135.234
3	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.125.141.591	-	12.525.951.591	3.816.588.904
5	Đầu tư tài chính dài hạn	200.456.746.500	266.696.649.411	38.734.523.423	42.123.582.570
6	Tài sản dài hạn khác	2.952.122.436	678.627.148	133.833.148.616	208.145.396.410
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	791.477.623.379	1.108.057.943.284	1.309.071.275.223	1.655.979.508.297

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.
- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.2 Tình hình nợ phải trả

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018
I	Nợ ngắn hạn	126.800.045.508	106.180.462.071	279.771.297.639	247.670.262.660
1	Phải trả người bán ngắn hạn	19.802.727.600	14.102.010.865	92.705.820.588	80.289.365.173
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	662.466.694	-	733.044.194	223.930.590
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.156.462.657	2.212.019.256	12.629.303.627	12.727.404.059
4	Phải trả người lao động	6.259.445.645	7.669.002.603	14.834.706.436	19.584.718.240
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	88.600.911	848.054.540	510.691.901	3.108.733.891
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	676.878.538	-	1.051.989.538
9	Phải trả ngắn hạn khác	54.948.578.249	27.002.098.136	60.407.738.431	31.874.507.970
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.899.406.105	34.575.735.486	78.319.292.105	77.066.607.842
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	2.648.342.710	2.648.342.710
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.982.357.647	19.094.662.647	16.982.357.647	19.094.662.647
13	Quỹ bình ổn giá	-	-	-	-

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
II	Nợ dài hạn	19.678.009.170	97.115.754.668	193.122.894.109	189.633.001.418
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	50.000.000.000	25.000.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19.678.009.170	97.115.754.668	143.122.894.109	164.633.001.418
	NỢ PHẢI TRẢ	146.478.054.678	203.296.216.739	472.894.191.748	437.303.264.078

Đối với các khoản nợ đến hạn, Công ty duy trì thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5.1 Về kinh doanh:

- Tiếp tục tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu ngoại đang sử dụng Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến, đặc biệt là hãng tàu SM Line.
- Đẩy mạnh triển khai công tác thị trường (cho cả bốc xếp và vận tải) chủ yếu tập trung thị trường Trung Quốc và Hàn Quốc.
- Tập trung phát triển thị trường khu vực Cái Mép nhất là hàng chuyên tải của các hãng tàu có tàu mẹ cập cảng.

5.2 Về quản lý:

- Ổn định công tác nhân sự trong toàn hệ thống, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao, để có thể đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Tập trung rà soát và cắt giảm tất cả các chi phí, phấn đấu giảm từ 5-10%.

5.3 Về đầu tư :

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục cho khu đất của Dự án Depot tại khu vực Cái Mép để thực hiện đầu tư và kinh doanh Depot với diện tích 31 ha với ba cầu tàu cho sà lan có trọng tải 120-160 TEU, 18 ha bãi và 60.000 m² kho.
- Đầu tư giai đoạn II dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An.
- Đầu tư 01 tàu container nếu điều kiện cho phép.
- Đầu tư thêm xe đầu kéo, thiết bị bốc xếp cho cảng và vỏ container mới phục vụ vận chuyển hàng lương thực, thực phẩm.
- Hoàn thiện công tác nâng cấp cầu tàu, để có thể tiếp nhận tàu có chiều dài tới 185m vào Cảng làm hàng.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1 Về sản xuất - kinh doanh

a) Khai thác cảng:

Năm 2017 là năm Công ty đạt sản lượng bốc xếp cao nhất kể từ khi cảng được đưa vào khai thác (381.000 Teus). Sang năm 2018 với sự góp mặt của hai cảng mới: Nam Hải Đình Vũ hoạt động từ tháng 4/2018 với công suất thiết kế 600.000 Teus/năm và Lạch Huyện (HITC) hoạt động từ tháng 5/2018 với công suất thiết kế 1,2 triệu Teu/năm làm cho tình trạng dư thừa năng lực cảng biển của khu vực Hải Phòng ngày càng nghiêm trọng. Theo thống kê tổng sản lượng container thông qua khu vực Hải Phòng năm 2018 chỉ đạt 4,99 triệu Teus, trong khi tổng công suất của các cảng container đã lên tới 7,87 triệu Teus, dư thừa tới 37% năng lực.

Tuy nhiên, do đã chuẩn bị trước thông qua chương trình đầu tư đội tàu container từ năm 2014 nên Công ty đã tập trung đưa đội tàu container nội địa vào khai thác tại

cảng, đồng thời sử dụng một số tàu cho đối tác nước ngoài thuê với điều kiện đưa tàu vào sử dụng cảng Hải An. Nhờ vậy Cảng vẫn hoạt động hết công suất, song do cơ cấu hàng hóa thay đổi, tỷ lệ hàng XNK giảm, hàng nội địa tăng nên doanh thu và lợi nhuận cũng giảm so với các năm trước, cụ thể:

- Sản lượng bốc xếp đạt 305.000 Teus, đạt 95% so với kế hoạch và giảm 20% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 86,8 tỷ đạt 104% so với kế hoạch nhưng cũng giảm tới gần 24% so với năm 2017.

b) Về vận tải container:

Năm 2018 cũng là năm mà ngành vận tải container thế giới phải đối mặt với hai biến động lớn: Thứ nhất là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và Anh rời khỏi EU làm nhu cầu vận tải trên các tuyến chính suy giảm nghiêm trọng và Thứ hai là giá dầu nhiên liệu tăng gần 20% so với năm 2017 và gần 70% so với năm 2016 (giá dầu HFO bình quân các năm 2016/2017/2018 lần lượt là: US\$ 233/MT, US\$ 329/MT và US\$ 393/MT). Vì thế nhiều hãng tàu nằm trong Top 20 của thế giới như Hyundai, K Line, NYK, YML...đều bị lỗ.

Đối với đội tàu container của Hải An, nhờ lượng hàng nội địa và giá cước chiều Hải Phòng - Hồ Chí Minh tăng, công ty mở thêm tuyến vào Đà Nẵng tận dụng sử dụng được gần 100% trọng tải của đội tàu chạy nội địa nên kết quả kinh doanh của đội tàu vẫn đạt kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng vận tải đạt 219.700 Teus bằng 98% so với kế hoạch và tăng hơn 20% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 50,3 tỷ (trong đó có lợi nhuận sau thuế của thương vụ bán tàu “HaiAn Fair” là 14,76 tỷ đồng).

c) Về Logistics

Là hoạt động được triển khai từ năm 2018 thông qua việc lập liên doanh với đối tác Hàn Quốc để đầu tư và khai thác Depot/ICD tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, tổng vốn đầu tư của Dự án là US\$ 26 triệu, trong đó vốn Điều lệ của Liên doanh là US\$ 12 triệu. Liên doanh đã tập trung đầu tư giai đoạn I và đưa Depot vào khai thác từ tháng 8 năm 2018. Do đang trong quá trình xây dựng, mới đưa vào khai thác nên năm 2018 Liên doanh vẫn đang bị lỗ, trong đó số lỗ của HATS (51%) là gần 4,2 tỷ đồng. Hy vọng năm 2019 Liên doanh sẽ bù được số lỗ này và có lợi nhuận từ năm 2020.

d) Về đầu tư

Để tiếp tục phát triển hoạt động vận tải và Logistics, đầu năm 2018 Công ty đã tổ chức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để huy động thêm vốn đầu tư. Nhờ sự ủng hộ của các cổ đông hiện hữu và một số cổ đông mới, đợt phát hành thêm đã thành công, Công ty đã huy động được 199,85 tỷ đồng, số vốn này được tập trung đầu tư cho ba dự án chính gồm:

- Góp vốn thành lập Liên doanh Pan – Haian: 140 tỷ
- Đầu tư tàu “Haian Link”: 217 tỷ
- Đầu tư cho dự án Cái Mép: 70 tỷ đồng.

1.2 Về quản lý doanh nghiệp

Cũng trong năm 2018, Công ty đã tập trung nâng cấp được phần mềm khai thác cảng, hành chính, kế toán, marketing và quản lý tàu tạo điều kiện tốt hơn cho việc phục vụ khách hàng góp phần duy trì chất lượng dịch vụ của Công ty. Ngoài ra Công ty đã tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, luân chuyển cán bộ, mạnh dạn bổ nhiệm cán bộ trẻ để kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng quản lý, kiểm soát nội bộ.

1.3 Về trách nhiệm xã hội

Công ty luôn luôn tổ chức thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, giữ vệ sinh, trồng cây xanh để tạo môi trường xanh cho Cảng. Thông qua hoạt động của tổ chức Công đoàn, Công ty đã tích cực tham gia và đóng góp vào các hoạt động từ thiện, xoá đói giảm nghèo...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về quản trị và điều hành Công ty

Căn cứ năng lực thực tế của doanh nghiệp, tình hình thị trường và xu thế phát triển của ngành, HĐQT đã chỉ đạo Công ty vừa tập trung tổ chức thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 vừa tiếp tục chuyển hướng đầu tư phát triển dịch vụ vận tải và logistics nhằm tạo việc làm lâu dài, ổn định cho doanh nghiệp trong các năm tới. HĐQT cũng đã tổ chức thành công đợt phát hành thêm để huy động vốn phục vụ kế hoạch đầu tư năm 2018 đồng thời chỉ đạo nâng cấp hệ thống IT, phần mềm, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có chất lượng để hoàn thiện, nâng cấp hệ thống quản lý kinh doanh cho Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tích cực phát triển thêm thị trường và đối tác nhằm tạo thêm việc làm và uy tín cho công ty, cụ thể là đã tổ chức thành công việc đưa tàu vào hoạt động thường xuyên tại Đà Nẵng góp phần nâng tỷ lệ sử dụng trọng tải đội tàu chạy tuyến nội địa lên gần 100% và tổ chức hợp tác với hãng X-press mở tuyến đi Trung Quốc, Hongkong để sử dụng tàu và tạo thêm việc làm cho cảng, đồng thời tạo tiền đề cho việc tự tổ chức các tuyến tàu mới cho công ty.

Tuy nhiên do chất lượng lao động còn yếu, đa phần xuất thân từ hoạt động kinh doanh cảng nên không theo kịp sự phát triển của các dịch vụ vận tải, logistics và đối ngoại của Công ty. Đây là một tồn tại lớn cần phải có thời gian và biện pháp quyết liệt mới khắc phục được.

3. Các kế hoạch, định hướng trong tương lai của Hội đồng quản trị

Năm 2019 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, biến động hơn năm 2018, cụ thể:

- Về khai thác cảng: Cảng Lạch Huyện đã lắp đặt xong 6 cần cầu để đưa cả hai bên vào hoạt động (năm 2018 chỉ khai thác một bên), các cảng đang được đầu tư như Mipeç, Vinalines cũng dự kiến sẽ được đưa vào khai thác trong quý IV. Như vậy tổng công

suất thiết kế của các cảng container ở khu vực Hải Phòng sẽ lên tới 8,5 triệu Teu/năm, trong khi dự kiến lượng hàng chỉ đạt tối đa là 5,5 triệu Teus, thừa công suất tới gần 40%. Do vậy tình trạng cạnh tranh để có việc làm sẽ ngày càng quyết liệt.

- Về vận tải: Qui định của IMO bắt buộc tàu biển phải sử dụng dầu nhiên liệu có hàm lượng Lưu huỳnh dưới 0,5% (LHO) sẽ có hiệu lực từ 01/01/2020 (Trung Quốc đã áp dụng cho vùng biển của họ từ 01/01/2019). Các chủ tàu container cỡ nhỏ đang phải đứng trước ba lựa chọn: (i) Lắp đặt bộ lọc khí thải với giá dao động từ 2,5 đến 4 triệu USD cho một tàu (trong khi rất nhiều tàu trên 12 tuổi có trọng tải dưới 30.000 tấn tương đương 2500 Teu có giá trị còn lại thấp hơn giá trị của bộ lọc này); (ii) hoặc sử dụng dầu với hàm lượng lưu huỳnh thấp với giá dự kiến cao hơn giá dầu hiện nay khoảng 250 đến 300 USD/Tấn; (iii) hoặc là phải bán sắt vụn các tàu cũ hiện có và chờ diễn biến của thị trường để quyết định có tiếp tục kinh doanh vận tải container hay không. Cho đến nay mới chỉ có khoảng 8% đội tàu container thế giới đã xác nhận hoặc ký hợp đồng lắp bộ lọc khí thải nhưng chỉ áp dụng cho các loại tàu có trọng tải lớn từ 10.000 Teus trở lên. Vì thế Công ty cũng đang phải chờ để xác lập kế hoạch dài hạn cho đội tàu.

Xuất phát từ bối cảnh nêu trên, Công ty đã xác định kế hoạch cho năm 2019 như sau: “Cố gắng duy trì hoạt động của cảng và đội tàu như năm 2018, tập trung đầu tư, phát triển các dịch vụ Logistics để duy trì và tạo thêm việc làm cho doanh nghiệp”.

V. Thông tin quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ô. Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HDQT	812.502	1,67	
2	Ô. Bùi Tuấn Ngọc	TVHDQT	3.242.475	6,65	
3	Ô. Tạ Mạnh Cường	TVHDQT	1.389.889	2,85	Từ nhiệm ngày 15/12/2018
4	Ô. Vũ Thanh Hải	TVHDQT, kiêm Phó TGD	5.569.750	11,42	
5	Ô. Lê Duy Hiệp	TVHDQT	1.546.875	3,17	Từ nhiệm ngày 29/6/2018

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
6	Ô. Phùng Văn Quang	TVHĐQT	769.250	1,58	Từ nhiệm ngày 29/6/2018
7	B. Trần Thị Hải Yến	TVHĐQT	3.375	0,007	Bổ nhiệm ngày 29/6/2018

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0101-2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	- Thông qua triển khai phương án chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ
2	1901-2018/NQ-HĐQT	19/01/2018	- Thông qua mức giá dự kiến và phương án sử dụng vốn trong đợt chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ
3	0203-2018/NQ-HĐQT	12/3/2018	- Phê duyệt mức giá dự kiến trong đợt chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ
4	0303-2018/NQ-HĐQT	12/3/2018	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch kinh doanh năm 2018, phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017
5	0304-2018/NQ-HĐQT	09/4/2018	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ năm 2018
6	0404-2018/NQ-HĐQT	13/4/2018	- Thông qua kế hoạch chi tiết thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng - Thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017
7	0106-2018/NQ-HĐQT	01/6/2018	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ năm 2018
8	0406-2018/NQ-HĐQT	18/6/2018	- Thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 - Phê duyệt phương án phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Phê duyệt kế hoạch chuẩn bị nhân sự tham gia vào HĐQT và BKS nhiệm 2018-2023 trình ĐHĐCĐ
9	0506-2018/NQ-HĐQT	27/6/2018	- Phê duyệt phương án phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu
10	0606-2018/NQ-HĐQT	29/6/2018	- Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 - Bỏ nhiệm TGD và người phụ trách quản trị công ty
11	0207-2018/NQ-HĐQT	18/7/2018	- Sửa đổi Điều lệ Công ty
12	0212-2018/NQ-HĐQT	15/12/2018	- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Tạ Mạnh Cường

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	B. Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	14.725	0,03	
2	Ô. Đỗ Thành Đĩnh	Kiểm soát viên	92.400	0,189	Từ nhiệm ngày 29/6/2018
3	Ô. Phùng Đình Phúc	Kiểm soát viên	17.720	0,036	Từ nhiệm ngày 29/6/2018
4	B. Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên	13.170	0,027	Bỏ nhiệm ngày 29/6/2018
5	Ô. Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên	0	0	Bỏ nhiệm ngày 29/6/2018

- **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: (Giá trị trước thuế TNCN)

STT	Nội dung	Thù lao	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Vũ Ngọc Sơn	72.000.000	
2	Bùi Tuấn Ngọc	72.000.000	
3	Tạ Mạnh Cường	72.000.000	
4	Vũ Thanh Hải	72.000.000	
5	Lê Duy Hiệp	36.000.000	
6	Phùng Văn Quang	36.000.000	
7	Trần Thị Hải Yến	36.000.000	
II	Ban Kiểm soát		
1	Nguyễn Thị Thanh Tú	36.000.000	
2	Phùng Đình Phúc	18.000.000	
3	Đỗ Thành Đĩnh	18.000.000	
4	Trần Thị Thơm	18.000.000	
5	Nguyễn Xuân Lộc	18.000.000	

3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty Cổ phần Transimex	Ông Bùi Tuấn Ngọc - Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex	6.032.845	17,48%	3.242.475	6,65%	- Giảm đầu tư
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Ông Vũ Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	3.045.000	8,82%	5.567.500	11,41%	- Tăng đầu tư
3	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Đa phương thức	Ông Vũ Thanh Hải - Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Đa phương thức	300.330	0,87%	1.722.060	3,53%	- Tăng đầu tư
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng Ban kiểm soát	3.150	0,009%	14.725	0,03%	- Tăng đầu tư

3.3 Các hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: www.haiants.vn (Mục Quan hệ Cổ đông)

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



[Handwritten signature in blue ink]

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 11 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 được cấp ngày 15 tháng 08 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lái dật, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Tạ Mạnh Cường	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Phùng Văn Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Phùng Đình Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 07 tháng 3 năm 2019

Số: 2.0122/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Trần Thanh Thảo - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0932-2017-008-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		353.263.018.581	229.122.995.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	184.928.446.586	114.378.534.552
1. Tiền	111		54.738.417.482	49.928.549.375
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.190.029.104	64.449.985.177
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	13.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.538.431.908	109.948.803.865
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.013.968.207	25.461.451.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	953.864.462	738.031.993
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	45.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	82.735.432.851	38.964.154.157
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(214.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20.208.196.789	2.693.495.269
1. Hàng tồn kho	141	V.8	20.208.196.789	2.693.495.269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.087.943.298	2.102.161.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	626.423.955	2.099.006.071
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.461.519.343	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	3.155.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		754.794.924.703	562.354.628.222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		46.713.470.000	91.862.721.143
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	46.713.470.000	91.862.721.143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		440.706.178.144	261.957.896.552
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	436.808.596.443	258.912.818.695
<i>Nguyên giá</i>	222		734.585.949.049	507.796.771.981
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(297.777.352.606)	(248.883.953.286)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.897.581.701	3.045.077.857
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	5.026.265.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.643.743.535)	(1.981.187.379)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.125.141.591
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	5.125.141.591
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	266.696.649.411	200.456.746.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	200.455.880.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.200.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.126.917.089)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		678.627.148	2.952.122.436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	678.627.148	2.952.122.436
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.108.057.943.284	791.477.623.379

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		203.296.216.739	146.478.054.678
I. Nợ ngắn hạn	310		106.180.462.071	126.800.045.508
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.102.010.865	19.802.727.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	-	662.466.694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.212.019.256	8.156.462.657
4. Phải trả người lao động	314		7.669.002.603	6.259.445.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	848.054.540	88.600.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	676.878.538	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	27.002.098.136	54.948.578.249
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	34.575.735.486	19.899.406.105
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19.094.662.647	16.982.357.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		97.115.754.668	19.678.009.170
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	97.115.754.668	19.678.009.170
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		904.761.726.545	644.999.568.701
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	904.761.726.545	644.999.568.701
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	345.078.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	345.078.180.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	58.738.380.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.920.919.678)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.564.070.809	152.064.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136.684.452.492	104.039.856.648
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.955.091.648	104.039.856.648
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103.729.360.844	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.108.057.943.284	791.477.623.379

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc




Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	479.693.346.795	451.542.698.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		479.693.346.795	451.542.698.498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	361.067.675.650	291.109.452.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.625.671.145	160.433.245.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.566.119.108	20.015.483.680
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.853.120.282	4.875.194.604
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.861.404.237	4.464.105.033
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	23.949.488.434	22.096.923.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		100.389.181.537	153.476.610.736
11. Thu nhập khác	31	VI.6	17.367.044.774	1.523.070.929
12. Chi phí khác	32	VI.7	264.741.901	932.029.591
13. Lợi nhuận khác	40		17.102.302.873	591.041.338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.491.484.410	154.067.652.074
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	13.762.123.566	16.173.650.197
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>103.729.360.844</u>	<u>137.894.001.877</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		117.491.484.410	154.067.652.074
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		55.896.962.460	59.567.597.999
- Các khoản dự phòng	03		5.076.917.089	(47.533.500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(139.742.873)	(90.259.655)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.828.257.811)	(18.600.433.332)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.861.404.237	4.464.105.033
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		153.358.767.512	199.361.128.619
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.237.135.240)	(30.061.942.935)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.514.701.520)	(3.352.612.228)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(38.777.714.326)	(57.234.317.215)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.291.531.949	9.578.254.595
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.101.950.608)	(4.589.597.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(13.168.518.518)	(24.787.385.470)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(7.537.695.000)	(8.048.530.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.312.584.249	80.864.997.580
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(223.724.550.022)	(5.516.521.452)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.713.180.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.213.180.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(71.366.820.000)	(43.572.661.100)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.932.765.879	7.522.526.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(240.658.604.143)	(86.566.655.745)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	199.617.562.000	(50.000.000)
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4.561.855.500)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	136.813.861.235	34.414.693.035
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(44.783.264.439)	(65.212.688.986)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(33.934.765.000)	(33.835.015.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		257.713.393.796	(69.244.866.451)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		70.367.373.902	(74.946.524.616)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	114.378.534.552	189.378.258.842
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		182.538.132	(53.199.674)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	184.928.446.586	114.378.534.552

Người lập biểu

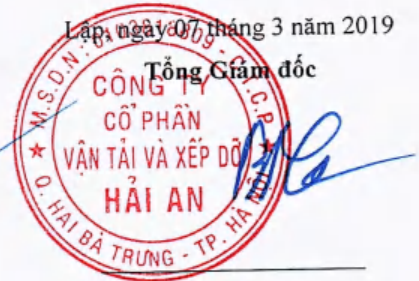
Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 345.078.180.000 VND lên 487.827.510.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2017. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục tăng vốn và thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, Công ty ký lại Hợp đồng thuê quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An với Công ty TNHH Cảng Hải An. Theo đó, Công ty TNHH Cảng Hải An tổ chức quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An trong khoảng thời gian tối thiểu là 5 năm, phát hành hóa đơn thu cước và các loại phí liên quan đến việc cung ứng dịch vụ khai thác Bến Container Hải An. Cuối mỗi tháng Công ty phát hành hóa đơn thu lại các khoản mà Công ty TNHH Cảng Hải An thu hộ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 76 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 81 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	572.975.912	687.364.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.165.441.570	49.241.185.252
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	130.190.029.104	64.449.985.177
Cộng	184.928.446.586	114.378.534.552

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270.622.700.000	5.126.917.089	200.455.880.000	
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000		30.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000		101.000.000.000	
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	5.126.917.089	69.455.880.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	1.200.000.000			
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1.200.000.000			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500		866.500	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
Cộng	271.823.566.500	5.126.917.089	200.456.746.500	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp 70.166.820.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và Công ty liên kết

Công ty TNHH Pan Hải An hiện đã xong giai đoạn đầu tư xây dựng và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Công ty liên kết bắt đầu hoạt động kinh doanh đầu năm 2018.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con, Công ty liên kết

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	5.126.917.089	
Số cuối năm	5.126.917.089	-

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Công ty con		85.820.761.196
Mua hệ phần mềm cho Công ty con		301.050.000
Công ty con cung cấp dịch vụ		25.711.768.919
Công ty con chia lợi nhuận	5.851.817.501	11.271.090.096
Doanh thu khai thác cảng Công ty con thu hộ	212.163.061.269	
Phí quản lý cảng phải trả cho Công ty con	40.043.445.229	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Góp vốn điều lệ vào Công ty con		82.195.480.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	47.296.760.302	12.860.634.336
Mua hệ phần mềm cho Công ty con		2.479.760.000
Chi hộ Công ty con trong giai đoạn bàn giao BCC		39.457.247.486
Thu hộ Công ty con trong giai đoạn bàn giao BCC		73.726.499.255
Bàn giao tài sản của BCC cho Công ty con		172.800.000.000
Cho Công ty con vay vốn lưu động		50.000.000.000
Thu tiền lãi cho vay từ Công ty con	912.671.232	915.342.465
Công ty con cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	13.280.122.500	15.325.209.091
Góp vốn theo hợp đồng BCC cho HACT		90.000.000.000
Thu hồi tiền góp vốn BCC từ HACT	45.000.000.000	
Công ty TNHH Pan Hải An		
Góp vốn vào Công ty con	70.166.820.000	69.455.880.000
Cho Công ty con vay	213.180.000	
Lãi cho vay	1.340.990	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	19.549.714	
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho Công ty con	244.269.750	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết	1.200.000.000	
Cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho Công ty liên kết	96.854.545	
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	18.451.737.993	10.352.363.386
Công ty TNHH Cảng Hải An	1.201.159.993	8.444.966.195
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	16.257.872.689	
Công ty TNHH Pan Hải An	140.728.284	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	470.290.100	1.634.794.738
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		223.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	106.540.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	3.300.000	9.331.990
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	271.846.927	35.210.463
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức		5.060.000
Phải thu các khách hàng khác	11.562.230.214	15.109.087.941
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại thành phố Hải Phòng		3.158.241.547
Công ty Cổ phần Quốc tế Tico	3.719.043.402	
Các khách hàng khác	7.843.186.812	11.950.846.394
Cộng	30.013.968.207	25.461.451.327
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt Nam		205.794.000
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	360.533.321	189.789.278
Các nhà cung cấp khác	354.108.633	103.226.207
Cộng	953.864.462	738.031.993
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Số dư đầu năm là khoản cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con) vay, thời hạn vay 12 tháng. Trong năm, Công ty đã thu hồi lại bằng tiền.		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	11.467.217.565		18.607.810.042	
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	3.577.464.762		13.060.219.987	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	7.774.988.895		5.547.590.055	
Các khoản chi hộ	114.763.908			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	71.268.215.286		20.356.344.115	
Lãi tiền gửi dự thu	337.039.158		55.676.895	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	70.000.000.000		20.000.000.000	
Ký cược, ký quỹ	347.872.836		134.857.220	
Tạm ứng	555.240.156		165.810.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	28.063.136			
Cộng	82.735.432.851		38.964.154.157	

(*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01B10-2017/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đặt cọc số tiền 70.000.000.000 VND để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	45.000.000.000		90.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh BCC (*)	45.000.000.000		90.000.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.713.470.000		1.862.721.143	
Ký cược, ký quỹ	1.713.470.000		1.862.721.143	
Cộng	46.713.470.000		91.862.721.143	

(*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Theo biên bản họp các bên tham gia BCC ngày 23/01/2018, các bên đồng ý bán tàu “HaiAn Fair” với giá bán 8.900.000 USD. Số tiền thu được các bên thống nhất thu lại 50% tiền góp vốn BCC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	<u>80.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>		<u>Giá gốc</u>
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65.089.486		3 năm	65.089.486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99.744.126		3 năm	99.744.126	
Công ty TNHH K.N.V					50.000.000	
Cộng		<u>164.833.612</u>			<u>214.833.612</u>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	214.833.612	282.367.112
Hoàn nhập dự phòng	(50.000.000)	(67.533.500)
Số cuối năm	<u>164.833.612</u>	<u>214.833.612</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu (*)	20.125.311.334		2.671.804.360	
Công cụ, dụng cụ	82.885.455		21.690.909	
Cộng	<u>20.208.196.789</u>		<u>2.693.495.269</u>	

(*) Ngày 02 tháng 01 năm 2018, Công ty ký lại Hợp đồng thuê quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An với Công ty TNHH Cảng Hải An. Theo đó, toàn bộ nguyên vật liệu khai thác cảng, Công ty đã nhận lại từ Công ty TNHH Cảng Hải An.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	417.214.670	146.361.121
Chi phí sửa chữa		1.776.246.667
Phí đường bộ	120.707.085	121.852.831
Chi phí thuê văn phòng	84.102.200	54.545.452
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.400.000	
Cộng	<u>626.423.955</u>	<u>2.099.006.071</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa thiết bị		26.920.000
Công cụ dụng cụ	424.088.254	2.463.621.878
Bản quyền phần mềm	254.538.894	461.580.558
Cộng	<u>678.627.148</u>	<u>2.952.122.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	199.026.384.869	269.417.741.973	17.701.700.239	729.574.546	20.921.370.354	507.796.771.981
Số đầu năm		3.776.500.000	219.948.050.022			223.724.550.022
Mua trong năm	3.064.627.046					3.064.627.046
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Số cuối năm	202.091.011.915	273.194.241.973	237.649.750.261	729.574.546	20.921.370.354	734.585.949.049
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.178.888.126	3.172.619.411	-	75.136.364	-	4.426.643.901
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	93.712.628.450	147.752.335.462	5.137.904.437	176.489.585	2.104.595.352	248.883.953.286
Khấu hao trong năm	13.137.243.104	28.293.779.371	5.197.275.595	161.339.226	2.103.762.024	48.893.399.320
Số cuối năm	106.849.871.554	176.046.114.833	10.335.180.032	337.828.811	4.208.357.376	297.777.352.606
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	105.313.756.419	121.665.406.511	12.563.795.802	553.084.961	18.816.775.002	258.912.818.695
Số cuối năm	95.241.140.361	97.148.127.140	227.314.570.229	391.745.735	16.713.012.978	436.808.596.443

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 274.209.838.265 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	81.250.000	5.026.265.236
Mua trong năm		1.515.060.000	1.515.060.000
Số cuối năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.967.645.709	13.541.670	1.981.187.379
Khấu hao trong năm	141.286.152	521.270.004	662.556.156
Số cuối năm	2.108.931.861	534.811.674	2.643.743.535
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.977.369.527	67.708.330	3.045.077.857
Số cuối năm	2.836.083.375	1.061.498.326	3.897.581.701
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	4.579.687.046	223.724.550.022	(228.304.237.068)		-
Xây dựng cơ bản dở dang	545.454.545			(545.454.545)	-
Cộng	5.125.141.591	223.724.550.022	(228.304.237.068)	(545.454.545)	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.141.434.751	12.834.728.164
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		12.181.262.955
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	93.164.685	653.465.209
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1.041.662.731	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	6.607.335	
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.960.576.114	6.967.999.436
Triton Container International Limited-Colle	2.137.259.433	1.516.247.394
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	1.448.155.460	
Các nhà cung cấp khác	9.375.161.221	5.451.752.042
Cộng	14.102.010.865	19.802.727.600

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	3.000.000
Công ty Cổ phần Hải Minh		3.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	-	659.466.694
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Phúc Tín		417.380.000
Các khách hàng khác		242.086.694
Cộng	-	662.466.694

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.966.290.774		7.378.989.834	(9.345.280.608)		-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			22.059.106.847	(22.059.106.847)		-	
Thuế xuất, nhập khẩu		3.155.400	123.052.047	(123.052.047)	(3.155.400)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.925.606.078		8.801.614.684	(13.168.518.518)		558.702.244	
Thuế thu nhập cá nhân	1.264.565.805		3.515.671.487	(3.126.920.280)		1.653.317.012	
Tiền thuê đất			1.240.166.947	(1.240.166.947)		-	
Các loại thuế khác			106.667.600	(106.667.600)		-	
Cộng	8.156.462.657	3.155.400	43.225.269.446	(49.169.712.847)	(3.155.400)	2.212.019.256	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	117.491.484.410	154.067.652.074
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	223.516.947	1.303.085.163
- Các khoản điều chỉnh tăng	223.516.947	1.303.085.163
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	117.715.001.357	155.370.737.237
Thu nhập được miễn thuế	(5.851.817.501)	(11.271.174.096)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	111.863.183.856	144.099.563.141
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	58.356.170.968	91.607.406.177
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	27.209.044.827	25.905.603.996
- Hoạt động khai thác tàu	26.297.968.061	26.586.552.968
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	22.372.636.771	28.819.912.628
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(5.835.617.097)	(9.160.740.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.917.808.548)	(4.580.370.309)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.619.211.126	15.078.801.701
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	142.912.440	1.094.848.496
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.762.123.566	16.173.650.197
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(5.029.517.976)	(1.386.897.513)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	69.009.094	4.333.701.890
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.801.614.684	19.120.454.574

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu năm 2019

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>470.334.400</i>	<i>15.315.794.257</i>
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh	100.276.373	6.254.359.714
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	75.220.439	4.691.590.569
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	44.163.714	2.754.544.774
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh	25.898.150	1.615.299.200
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- Tiền chỉ hộ	224.775.724	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>26.531.763.736</i>	<i>39.632.783.992</i>
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	30.477.701	1.900.931.375
SM Line Corporation - Các khoản thu hộ	25.575.794.806	36.338.550.216
Kinh phí công đoàn	103.881.098	17.059.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	39.936.520	7.777.474
Cổ tức phải trả	418.950.000	418.950.000
Thuế vãng lai phải nộp	317.832.237	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	44.891.374	949.515.427
Cộng	<u>27.002.098.136</u>	<u>54.948.578.249</u>

19. Vay ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>5.049.365.476</i>	<i>3.757.962.845</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	5.049.365.476	3.757.962.845
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>29.526.370.010</i>	<i>16.141.443.260</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	25.489.271.390	12.188.577.500
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	4.037.098.620	3.952.865.760
Cộng	<u>34.575.735.486</u>	<u>19.899.406.105</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán tiền mua dầu và công nợ với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	3.757.962.845	16.141.443.260	19.899.406.105
Số tiền vay phát sinh trong năm	29.777.036.235		29.777.036.235
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		29.526.370.010	29.526.370.010
Chênh lệch tỷ giá phát sinh		156.187.575	156.187.575
Số tiền vay đã trả trong năm	(28.485.633.604)	(16.297.630.835)	(44.783.264.439)
Số cuối năm	5.049.365.476	29.526.370.010	34.575.735.486

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	90.584.153.740	9.329.822.390
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾	6.531.600.928	10.348.186.780
Cộng	97.115.754.668	19.678.009.170

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần, lãi suất cho vay năm đầu tiên là 5%, từ năm thứ hai trở đi lãi suất bằng lãi suất Libor kỳ hạn 6 tháng + 3,2%/ năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay với lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	29.526.370.010	16.141.443.260
Trên 1 năm đến 5 năm	97.115.754.668	19.678.009.170
Trên 5 năm		
Cộng	<u>126.642.124.678</u>	<u>35.819.452.430</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	19.678.009.170	108.841.311.351
Số tiền vay phát sinh	107.036.825.000	
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(29.526.370.010)	(33.299.643.871)
Giảm do chuyển đổi BCC		(55.797.638.586)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(72.709.492)	(66.019.724)
Số cuối năm	<u>97.115.754.668</u>	<u>19.678.009.170</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	10.410.013.213	5.515.000.000	(1.461.795.000)	14.463.218.213
Quỹ thưởng Ban điều hành công ty	6.572.344.434	4.135.000.000	(6.075.900.000)	4.631.444.434
Cộng	<u>16.982.357.647</u>	<u>9.650.000.000</u>	<u>(7.537.695.000)</u>	<u>19.094.662.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

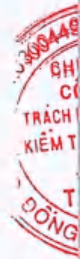
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(10.359.064.178)	131.730.070.809	143.019.479.771	555.141.187.324
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	113.115.860.000	(50.000.000)	-	-	(113.115.860.000)	(50.000.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4.561.855.500)	-	-	(4.561.855.500)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	137.894.001.877	137.894.001.877
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.334.000.000	(29.823.000.000)	(9.489.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33.934.765.000)	(33.934.765.000)
Số dư cuối năm trước	345.078.180.000	58.738.380.922	(14.920.919.678)	152.064.070.809	104.039.856.648	644.999.568.701
Số dư đầu năm nay	345.078.180.000	58.738.380.922	(14.920.919.678)	152.064.070.809	104.039.856.648	644.999.568.701
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142.749.330.000	56.868.232.000	-	-	-	199.617.562.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	103.729.360.844	103.729.360.844
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.500.000.000	(37.150.000.000)	(9.650.000.000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33.934.765.000)	(33.934.765.000)
Số dư cuối năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492	904.761.726.545

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2017, ngày 16/4/2018, Công ty đã thực hiện chào bán 16.967.382 cổ phần ra công chúng với giá chào bán 14.000 VND/Cổ phần. Mục đích huy động để thực hiện Dự án xây dựng kho bãi container tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Hải Phòng, trị giá 212,6 tỷ và bổ sung vốn lưu động 24,943 tỷ.

Kết thúc đợt chào bán, Công ty đã phát hành được 14.274.933 cổ phần, tương đương 199.617.562.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	34.507.818
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	34.507.818
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.782.751	34.507.818
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	573.053	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	33.934.765
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.209.698	33.934.765

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 0206-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	: 67.869.530.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Số đã tạm ứng năm 2017</i>	: 33.934.765.000
<i>Số phải thanh toán năm 2018</i>	: 33.934.765.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	: 27.500.000.000
Trích quỹ Ban điều hành	: 4.135.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.515.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	642.545,22	744.774,65
Euro (EUR)	40,54	40,54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	266.816.519.707	174.039.305.608
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	129.266.602.641	233.549.125.466
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD</i>		158.868.023.668
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	118.867.336.490	74.681.101.798
<i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i>	10.399.266.151	
Doanh thu hoạt động khác	83.610.224.447	43.954.267.424
Cộng	<u>479.693.346.795</u>	<u>451.542.698.498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	425.936.454	12.599.844.680
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1.034.930.353	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		681.363.625
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	76.041.056	34.636.363
Công ty Cổ Phần Hải Minh		152.909.088
Công ty Cổ phần Transimex		4.265.999.963
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội		175.625.454
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	56.494.250	325.275.148
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	2.131.722.886	4.572.279.529
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	8.600.000	579.509.092

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	184.600.308.472	61.579.194.032
Giá vốn của hoạt động tàu	117.526.969.213	193.816.554.513
Trong đó:		
Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD		127.915.599.446
Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD	108.201.348.121	65.900.955.067
Giá vốn khai thác tàu Hải An Link	9.325.621.092	
Giá vốn dịch vụ khác	58.940.397.965	35.713.704.353
Cộng	<u>361.067.675.650</u>	<u>291.109.452.898</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.145.363.093	6.059.746.055
Lãi tiền cho vay	914.012.222	1.877.455.086
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.851.818.001	11.271.174.096
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.196.718.629	644.378.691
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	458.207.163	162.729.752
Cộng	<u>15.566.119.108</u>	<u>20.015.483.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.861.404.237	4.464.105.033
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	5.126.917.089	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	622.572.030	293.876.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	242.226.926	117.213.370
Cộng	<u>9.853.120.282</u>	<u>4.875.194.604</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.883.351.337	8.981.470.322
Chi phí vật liệu quản lý	647.891.452	475.162.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.211.181	110.884.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.835.887.349	824.058.124
Thuế, phí và lệ phí	116.054.000	23.402.850
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi		(47.533.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.416.642.474	2.773.124.861
Các chi phí khác	6.022.450.641	8.956.353.926
Cộng	<u>23.949.488.434</u>	<u>22.096.923.940</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
BCC chia lãi thanh lý tài sản cố định	15.096.884.894	
Tiền bồi thường	1.423.331.951	1.500.127.747
Xử lý công nợ	778.627.435	
Thu nhập khác	68.200.494	22.943.182
Cộng	<u>17.367.044.774</u>	<u>1.523.070.929</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	78.445.447	466.623.895
Chi phí bán hàng	-	
Bồi thường tổn thất	88.041.098	445.106.274
Xử lý công nợ	21.770.000	
Chi phí khác	76.485.356	20.299.422
Cộng	<u>264.741.901</u>	<u>932.029.591</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.598.638.090	72.555.284.292
Chi phí nhân công	30.026.886.466	29.884.606.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.896.962.460	59.567.597.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.040.425.615	100.813.061.802
Chi phí khác	54.546.440.688	50.385.826.064
Cộng	<u>380.109.353.319</u>	<u>313.206.376.838</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ tiền thu thanh lý tài sản của BCC với tiền phải trả về cung cấp dịch vụ	15.096.884.894	
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		113.115.860.000
Góp vốn bằng tài sản hợp tác kinh doanh vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		82.195.480.000
Góp vốn bằng hợp đồng thuê đất vào Công ty TNHH Pan Hải An		25.883.218.900
Cộng	<u>15.096.884.894</u>	<u>221.194.558.900</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.934.618.545	4.408.032.170
Phụ cấp	982.000.000	540.000.000
Tiền thưởng	2.002.000.000	
Cộng	<u>6.918.618.545</u>	<u>4.948.032.170</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty liên doanh Vận tải Công nghệ cao (Transvina)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)</i>		
Mua hộ phần mềm cho HAAL		223.000.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu của HAAL		13.713.022.482
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)</i>		
Mua hộ phần mềm cho HAGS		223.000.000
Sử dụng dịch vụ của HAGS	8.115.170.158	6.644.163.635
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs (Macs)</i>		
Trả cổ tức	1.546.875.000	1.546.875.000
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		
Trả cổ tức		412.500.000
<i>Công ty Cổ phần Transimex</i>		
Trả cổ tức	4.414.385.000	6.836.235.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		574.105.453
Sử dụng dịch vụ khác		29.840.909

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	3.045.000.000	3.045.000.000
Chi phí thuê văn phòng	2.404.410.912	1.689.183.600
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		876.070.000
Sử dụng dịch vụ khai thác dịch vụ đại lý		360.900.602
Sử dụng dịch vụ khác		163.718.225
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Trả cổ tức	1.242.811.000	1.740.601.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		37.352.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	300.330.000	300.330.000
Phải trả phí làm thủ tục hải quan	5.839.660	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		297.600.000
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		1.310.420.909
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
Trả cổ tức		1.300.320.000
Công nợ với các bên liên quan khác		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13, V.14 và V.18.		

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	266.816.519.707	129.266.602.641	83.610.224.447	479.693.346.795
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.816.519.707	129.266.602.641	83.610.224.447	479.693.346.795
Kết quả kinh doanh theo bộ phận (*)	82.216.211.235	11.739.633.428	24.669.826.482	118.625.671.145
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.949.488.434)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				94.676.182.711
Doanh thu hoạt động tài chính				15.566.119.108
Chi phí tài chính				(9.853.120.282)
Thu nhập khác				17.367.044.774
Chi phí khác				(264.741.901)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.762.123.566)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				103.729.360.844
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.291.560.000	219.948.050.022	3.064.627.046	228.304.237.068
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (**)	45.160.453.888	2.066.457.032	4.602.539.844	51.829.450.764
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	174.039.305.608	233.549.125.466	43.954.267.424	451.542.698.498
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.039.305.608	233.549.125.466	43.954.267.424	451.542.698.498
Kết quả kinh doanh theo bộ phận (*)	112.460.111.576	39.732.570.953	8.240.563.071	160.433.245.600
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22.096.923.940)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				138.336.321.660
Doanh thu hoạt động tài chính				20.015.483.680
Chi phí tài chính				(4.875.194.604)
Thu nhập khác				1.523.070.929
Chi phí khác				(932.029.591)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.173.650.197)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				137.894.001.877

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>12.587.161.046</i>	<i>613.977.717</i>	<i>723.017.224</i>	<i>13.924.155.987</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (**)</i>	<i>44.003.538.227</i>	<i>22.487.443.279</i>	<i>4.870.411.656</i>	<i>71.361.393.162</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				

(*) Doanh thu hoạt động khai thác cảng tăng lên do năm 2018, Công ty ký lại Hợp đồng thuê quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An với Công ty TNHH Cảng Hải An. Theo đó Công ty TNHH Cảng Hải An tổ chức quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An, phát hành hóa đơn thu cước và các loại phí liên quan đến việc cung ứng dịch vụ khai thác Bến Container Hải An. Cuối mỗi tháng Công ty phát hành hóa đơn thu lại các khoản mà Công ty TNHH Cảng Hải An thu hộ.

(**) Doanh thu và Chi phí khấu hao hoạt động khai thác tàu giảm do tháng 7 năm 2017 Công ty đã bàn giao đội tàu của hoạt động BCC cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	523.876.093.037	272.602.900.115	48.967.401.158	845.446.394.310
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				262.611.548.974
Tổng tài sản				1.108.057.943.284
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.075.453.939	108.224.961.220	13.769.122.237	146.069.537.396
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				57.226.679.343
Tổng nợ phải trả				203.296.216.739
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269.495.527.060	2.610.737.445	28.706.047.122	300.812.311.627
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				490.665.311.752
Tổng tài sản				791.477.623.379
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61.725.706.773	772.692.557	52.581.389.399	115.079.788.729
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31.398.265.949
Tổng nợ phải trả				146.478.054.678

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 11 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 được cấp ngày 15 tháng 08 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lái dật, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Tạ Mạnh Cường	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Phùng Văn Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Phùng Đình Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 07 tháng 3 năm 2019

Số: 2.0123/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Trần Thanh Thảo - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0932-2017-008-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		587.779.335.179	367.329.516.653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	272.125.233.675	167.334.700.107
1. Tiền	111		88.635.204.571	99.884.714.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		183.490.029.104	67.449.985.177
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	13.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		217.513.466.269	128.021.600.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	122.272.253.242	98.545.239.904
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.853.244.550	5.221.357.771
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	89.093.891.301	24.469.836.746
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(705.922.824)	(214.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		34.979.953.834	38.846.510.867
1. Hàng tồn kho	141	V.7	34.979.953.834	38.846.510.867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.660.681.401	33.126.704.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.407.011.431	5.056.906.588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.253.669.970	28.066.642.882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	3.155.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.068.200.173.118	941.741.758.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.713.470.000	3.360.721.143
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.713.470.000	3.360.721.143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		812.401.135.234	753.287.413.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	806.210.134.443	749.801.178.109
<i>Nguyên giá</i>	222		1.257.155.997.981	1.109.198.280.126
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(450.945.863.538)	(359.397.102.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.191.000.791	3.486.235.688
<i>Nguyên giá</i>	228		11.754.927.885	6.997.927.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.563.927.094)	(3.511.692.197)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.816.588.904	12.525.951.591
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.816.588.904	12.525.951.591
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		42.123.582.570	38.734.523.423
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	31.672.716.070	28.283.656.923
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10.450.866.500	10.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		208.145.396.410	133.833.148.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	208.145.396.410	133.833.148.616
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.655.979.508.297	1.309.071.275.223

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		437.303.264.078	472.894.191.748
I. Nợ ngắn hạn	310		247.670.262.660	279.771.297.639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	80.289.365.173	92.705.820.588
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	223.930.590	733.044.194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12.727.404.059	12.629.303.627
4. Phải trả người lao động	314		19.584.718.240	14.834.706.436
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.108.733.891	510.691.901
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.051.989.538	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	31.874.507.970	60.407.738.431
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	77.066.607.842	78.319.292.105
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	2.648.342.710	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19.094.662.647	16.982.357.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		189.633.001.418	193.122.894.109
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	25.000.000.000	50.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	164.633.001.418	143.122.894.109
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.218.676.244.219	836.177.083.475
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.218.676.244.219	836.177.083.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	345.078.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	345.078.180.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	58.738.380.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.920.919.678)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.564.070.809	152.064.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		188.364.837.620	124.290.839.354
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.206.074.354	124.290.839.354
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		135.158.763.266	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		262.234.132.546	170.926.532.068
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.655.979.508.297	1.309.071.275.223

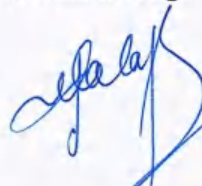
Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

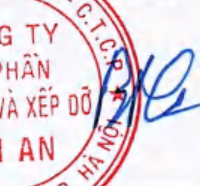


Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

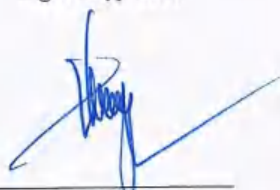
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.054.283.124.381		777.929.634.332	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.054.283.124.381		777.929.634.332	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	834.979.388.181		574.310.554.828	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		219.303.736.200		203.619.079.504	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.671.888.632		16.560.545.983	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.422.309.018		6.484.240.121	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.127.084.332		5.944.080.436	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	2.189.059.147		3.965.075.161	
9. Chi phí bán hàng	25		-		-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	61.303.048.262		45.393.370.359	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.439.326.699		172.267.090.168	
12. Thu nhập khác	31	VI.6	23.761.994.749		1.549.690.963	
13. Chi phí khác	32	VI.7	365.828.499		1.222.228.020	
14. Lợi nhuận khác	40		23.396.166.250		327.462.943	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		187.835.492.949		172.594.553.111	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	28.940.129.205		20.021.126.008	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		158.895.363.744		152.573.427.103	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		135.158.763.266		147.270.464.201	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.21	23.736.600.478		5.302.962.902	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	3.065		4.052	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	3.065		4.052	

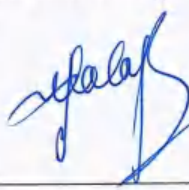
Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		187.835.492.949	172.594.553.111
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		94.186.620.292	79.390.420.855
- Các khoản dự phòng	03		491.089.212	(187.533.500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.9	(503.204.910)	(215.305.768)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.716.037.347)	(14.569.935.705)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.127.084.332	5.944.080.436
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		257.421.044.528	242.956.279.429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(100.917.260.715)	(73.247.913.794)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.866.557.033	(11.943.730.641)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(58.992.229.580)	32.714.606.127
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(72.116.898.092)	(103.565.154.237)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.532.433.616)	(5.695.957.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(32.820.562.349)	(26.779.010.033)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(7.537.695.000)	(8.048.530.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.629.477.791)	46.390.589.371
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(314.897.800.369)	(289.744.807.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9	186.375.062.895	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(13.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(1.200.000.000)	(450.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.511.837.359	9.735.831.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(131.710.900.115)	(280.458.975.697)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	267.188.562.000	157.130.820.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4.561.855.500)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	173.704.659.735	149.589.693.035
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(153.054.296.287)	(88.388.697.101)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(33.934.765.000)	(33.934.765.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		253.904.160.448	179.835.195.434
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		104.563.782.542	(54.233.190.892)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	167.334.700.107	221.639.040.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		226.751.026	(71.149.387)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	272.125.233.675	167.334.700.107

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 345.078.180.000 VND lên 487.827.510.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2017. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục tăng vốn và thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, Công ty ký lại Hợp đồng thuê quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An với Công ty TNHH Cảng Hải An. Theo đó, Công ty TNHH Cảng Hải An tổ chức quản lý và điều hành khai thác Bến Container Hải An trong khoảng thời gian tối thiểu là 5 năm, phát hành hóa đơn thu cước và các loại phí liên quan đến việc cung ứng dịch vụ khai thác Bến Container Hải An. Cuối mỗi tháng Công ty phát hành hóa đơn thu lại các khoản mà Công ty TNHH Cảng Hải An thu hộ.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Depot	51%	51%	51%	51%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (*)	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36%	36%	20%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	40%		40%	

(*) Hai công ty liên kết đều là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 293 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 281 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

002
- NH
TY
HUU K
: TU V
C
NỘI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.811.200.781	1.992.151.430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.824.003.790	97.892.563.500
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	183.490.029.104	67.449.985.177
Cộng	272.125.233.675	167.334.700.107

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱ⁾	1.000.000.000	978.454.878	1.978.454.878	1.000.000.000	1.525.656.275	2.525.656.275
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	12.500.000.000	14.420.692.969	26.920.692.969	12.500.000.000	13.258.000.648	25.758.000.648
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.200.000.000	1.573.568.223	2.773.568.223			
Cộng	14.700.000.000	16.972.716.070	31.672.716.070	13.500.000.000	14.783.656.923	28.283.656.923

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201275526 ngày 13 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS) 1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty mẹ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2.525.656.275	-	(276.736.397)	(270.465.000)	1.978.454.878
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	25.758.000.648	-	3.662.692.321	(2.500.000.000)	26.920.692.969
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		1.200.000.000	1.573.568.223		2.773.568.223
Cộng	28.283.656.923	1.200.000.000	4.959.524.147	(2.770.465.000)	31.672.716.070

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	4.878.921.726	12.862.897.680
Mua hộ phần mềm cho Công ty liên kết		223.000.000
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khai thác tàu	7.795.804.368	13.713.022.482
Công ty liên kết góp vốn hợp đồng BCC	10.000.000.000	
Trả lại vốn góp BCC cho Công ty liên kết	10.000.000.000	
Công ty liên kết chia lợi nhuận	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.077.666.717	
Doanh thu cung cấp dầu Diesel cho Công ty liên kết	141.933.918	1.386.060.108
Mua hộ phần mềm cho Công ty liên kết		223.000.000
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khai thác tàu	8.115.170.158	6.644.163.635
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ	8.233.414.546	3.429.881.819
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ vận chuyển		6.294.988.000
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ vệ sinh, sửa chữa		2.906.119.280
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ đóng rút, kiểm đếm		748.421.000
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khác	3.520.000	513.325.000
Thu hồi tiền cho vay Công ty liên kết		1.000.000.000
Thu lãi cho vay Công ty liên kết		40.516.667
Công ty liên kết chia cổ tức	270.465.000	156.000.000
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i>		
Góp vốn vào Công ty liên kết	1.200.000.000	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu cho Công ty liên kết	44.472.734.122	
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho Công ty liên kết	96.854.545	

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	10.450.866.500		10.450.866.500	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000		10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450.000.000		450.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
Cộng	10.450.866.500		10.450.866.500	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	20.181.750.540	7.031.582.086
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	14.140.755.902	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	633.277.100	2.054.600.838
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		223.000.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		3.800.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng		367.116.752
Công ty Cổ phần Hải Minh		17.700.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	14.642.100	255.843.300
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	612.709.000	535.065.740
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	4.567.529.087	2.903.186.006
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	100.072.351	
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	112.765.000	671.269.450
Phải thu các khách hàng khác	102.090.502.702	91.513.657.818
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại thành phố Hải Phòng		3.158.241.547
Pendulum Express Lines Pte Ltd		17.467.217.397
Sea Consortium Pte Ltd	22.658.437.552	
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	12.016.989.965	10.146.353.155
Công ty Cổ phần Quốc tế Tico	3.719.043.402	
Các khách hàng khác	63.696.031.783	60.741.845.719
Cộng	122.272.253.242	98.545.239.904

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	6.853.244.550	5.221.357.771
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt Nam		205.794.000
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68.000.000	68.000.000
AE Consulting & Trading bvba	5.364.712.000	
Alfa Laval Singapore Pte Ltd		668.113.008
Trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ		818.730.000
Các nhà cung cấp khác	1.181.310.042	3.221.498.255
Cộng	6.853.244.550	5.221.357.771

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	114.763.908		704.167	
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An - Tiền lãi cho vay			704.167	
Các khoản chi hộ	114.763.908			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	88.979.127.393		24.469.132.579	
Lãi tiền gửi dự thu	403.746.555		139.652.896	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	70.000.000.000		20.000.000.000	
Ký cược, ký quỹ	396.872.836		156.857.220	
Tạm ứng	659.240.156		743.987.650	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate	14.369.234.234		2.616.871.765	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.150.033.612		811.763.048	
Cộng	89.093.891.301		24.469.836.746	

(*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01B10-2017/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đặt cọc số tiền 70.000.000.000 VND để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan						
Các tổ chức và cá nhân khác		1.968.464.319	1.262.541.495		214.833.612	
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh	3 năm	65.089.486		3 năm	65.089.486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	3 năm	99.744.126		3 năm	99.744.126	
Navigator Marine Corp	Trên 6 tháng dưới 1 năm	1.803.630.707	1.262.541.495			
Công ty TNHH K.N.V					50.000.000	
Cộng		1.968.464.319	1.262.541.495		214.833.612	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	214.833.612	422.367.112
Trích lập dự phòng bổ sung	541.089.212	
Hoàn nhập dự phòng	(50.000.000)	(207.533.500)
Số cuối năm	<u>705.922.824</u>	<u>214.833.612</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	34.897.068.379		38.735.928.460	
Công cụ, dụng cụ	82.885.455		110.582.407	
Cộng	<u>34.979.953.834</u>		<u>38.846.510.867</u>	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	1.696.882.210	1.602.929.222
Chi phí dầu nhờn	1.249.503.273	
Công cụ dụng cụ	136.907.832	153.583.234
Chi phí sửa chữa	-	1.807.934.849
Phí đường bộ	120.707.085	121.852.831
Chi phí thuê tàu	-	1.314.661.000
Chi phí thuê văn phòng	84.102.200	54.545.452
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	118.908.831	1.400.000
Cộng	<u>3.407.011.431</u>	<u>5.056.906.588</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	706.449.273	1.944.425.185
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	6.975.308.840	-
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	-	3.356.995.095
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	2.633.327.131	7.147.602.211
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	15.003.605.339	
Công cụ dụng cụ	844.131.343	3.271.550.567
Tiền thuê đất (*)	181.728.035.590	117.650.995.000
Bản quyền phần mềm	254.538.894	461.580.558
Cộng	<u>208.145.396.410</u>	<u>133.833.148.616</u>

(*) Tiền thuê đất của Công ty TNHH Pan Hải An tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ để đầu tư, xây dựng và kinh doanh kho bãi container.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	199.103.152.320	276.262.732.177	610.516.762.113	2.330.626.798	20.985.006.718	1.109.198.280.126
Số đầu năm	53.000.000	3.776.500.000	220.671.824.704	255.355.773	30.000.000	224.786.680.477
Mua trong năm	69.814.948.534	-	-	-	18.338.367.500	88.153.316.034
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	(164.982.278.656)	-	-	(164.982.278.656)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	268.971.100.854	280.039.232.177	666.206.308.161	2.585.982.571	39.353.374.218	1.257.155.997.981

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
Chờ thanh lý

	1.255.655.577	5.534.727.711	771.091.818	1.528.558.211	63.636.364	9.153.669.681
--	---------------	---------------	-------------	---------------	------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	93.789.395.901	152.940.118.906	108.968.440.596	1.530.914.898	2.168.231.716	359.397.102.017
Khấu hao trong năm	14.632.576.364	29.876.255.588	51.493.935.544	223.441.023	2.257.033.366	98.483.241.885
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.934.480.364)	-	-	(6.934.480.364)
Số cuối năm	108.421.972.265	182.816.374.494	153.527.895.776	1.754.355.921	4.425.265.082	450.945.863.538

Giá trị còn lại

Số đầu năm	105.313.756.419	123.322.613.271	501.548.321.517	799.711.900	18.816.775.002	749.801.178.109
Số cuối năm	160.549.128.589	97.222.857.683	512.678.412.385	831.626.650	34.928.109.136	806.210.134.443

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 640.902.145.939 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý tài sản của BCC là tàu Hải An Fair, nguyên giá 164.982.278.656 VND, hao mòn lũy kế 6.934.480.364 VND, giá trị còn lại tại thời điểm thanh lý là 158.047.798.292 VND. Số tiền thu thanh lý là 202.297.000.000 VND, chi phí thanh lý 5.503.430.229 VND, lãi thanh lý là 38.745.771.479 VND, trong đó:

<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Phí quản lý BCC</u>	<u>Thu nhập từ bán tàu</u>
Lãi của Tập đoàn	26.637.717.893	6.697.611.563	19.940.106.330
Lãi của phải trả cho các bên trong BCC:			
- Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	4.843.221.434	1.488.358.124	3.354.863.310
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	4.843.221.434	1.488.358.124	3.354.863.310
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	2.421.610.718	744.179.064	1.677.431.654
Cộng	38.745.771.479	10.418.506.876	28.327.264.604

Tiền thu thuần từ thanh lý tài sản cố định:

Thu thanh lý	202.297.000.000
Chi phí thanh lý	(5.503.430.229)
Chi phí quản lý tài sản BCC	(10.418.506.876)
Tiền thu thuần	186.375.062.895

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	2.052.912.649	6.997.927.885
Mua trong năm	-	4.757.000.000	4.757.000.000
Số cuối năm	4.945.015.236	6.809.912.649	11.754.927.885

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.967.645.709	1.544.046.488	3.511.692.197
Khấu hao trong năm	141.286.152	1.910.948.745	2.052.234.897
Số cuối năm	2.108.931.861	3.454.995.233	5.563.927.094

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.977.369.527	508.866.161	3.486.235.688
Số cuối năm	2.836.083.375	3.354.917.416	6.191.000.791

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	7.360.497.046	242.643.503.426	(250.004.000.472)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	5.165.454.545	64.975.376.716	(66.833.904.534)	(566.238.545)	2.740.688.182
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	31.376.935.644	-	(30.301.034.922)	1.075.900.722
Cộng	12.525.951.591	338.995.815.786	(316.837.905.006)	(30.867.273.467)	3.816.588.904

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.168.799.593	10.445.315.426
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	266.543.009	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	750.796.415	2.920.813.185
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	2.626.212.731	3.875.655.526
Công ty Cổ phần Transimex	15.640.000	237.854.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	308.670.922	1.014.032.208
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	2.709.721.516	2.019.652.507
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	7.260.000	19.800.000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	483.955.000	357.508.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	73.120.565.580	82.260.505.162
Triton Container International Limited-Colle	2.137.259.433	
International Bunker Services Limited		10.461.573.453
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd		12.018.975.517
BMS United Bunkers (Asia) Limited	10.202.569.877	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam	10.352.777.607	
Các nhà cung cấp khác	50.427.958.663	59.779.956.192
Cộng	80.289.365.173	92.705.820.588

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	3.000.000
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	3.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	223.930.590	730.044.194
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Phúc Tín	-	417.380.000
Các khách hàng khác	223.930.590	312.664.194
Cộng	223.930.590	733.044.194

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.966.290.774		23.374.569.270	(22.234.144.136)	-	3.106.715.908	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			22.066.670.627	(22.066.670.627)	-		
Thuế xuất, nhập khẩu		3.155.400	123.052.047	(123.052.047)	(3.155.400)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.816.855.404		31.803.314.950	(32.820.562.349)	-	7.799.608.005	
Thuế thu nhập cá nhân	1.846.157.449		4.680.822.570	(4.705.899.873)	-	1.821.080.146	
Tiền thuê đất			1.240.166.947	(1.240.166.947)	-		
Các loại thuế khác			211.127.893	(211.127.893)	-		
Cộng	12.629.303.627	3.155.400	83.499.724.304	(83.401.623.872)	(3.155.400)	12.727.404.059	-

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	28.940.129.205	20.021.126.008
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ		(1.386.897.513)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	2.863.185.745	6.491.098.022
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.803.314.950	25.125.326.517

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.108.733.891	510.691.901
Chi phí môi giới cho thuê tàu Hai An Park	-	48.475.281
Chi phí nhiên liệu tàu Hai An Song	1.802.532.141	
Chi phí lãi vay phải trả	1.056.867.336	462.216.620
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	249.334.414	
Cộng	<u>3.108.733.891</u>	<u>510.691.901</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu năm 2019.

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.564.996.945	18.397.788.731
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh	100.276.373	6.254.359.714
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	939.108.094	5.307.989.465
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	1.771.939.021	2.848.096.989
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh	25.898.150	2.754.544.774
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	1.727.775.307	1.232.797.789
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	27.309.511.025	42.009.949.700
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh	30.477.701	1.900.931.375
SM Line Corporation - Các khoản thu hộ	25.575.794.806	36.338.550.216
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	380.000.000	
Kinh phí công đoàn	358.859.625	44.734.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	49.078.020	9.177.474
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418.950.000	418.950.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate	-	2.327.529.935

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế vãng lai phải nộp	317.832.237	
Các khoản khác	178.518.636	970.076.700
Cộng	<u>31.874.507.970</u>	<u>60.407.738.431</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về góp vốn BCC (*)</i>	<u>25.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	10.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>25.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

- (*) Số dư cuối năm là số phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Theo biên bản họp các bên tham gia BCC ngày 23/01/2018, các bên đồng ý bán tàu “HaiAn Fair” với giá bán 8.900.000 USD. Số tiền thu được các bên thống nhất thu lại 50% tiền góp vốn BCC.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<u>5.049.365.476</u>	<u>3.757.962.845</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	5.049.365.476	3.757.962.845
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<u>72.017.242.366</u>	<u>74.561.329.260</u>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	6.455.700.160	12.644.409.040
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	52.001.607.390	36.123.985.500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	7.327.578.396	7.177.894.880
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	6.232.356.420	18.615.039.840
Cộng	<u>77.066.607.842</u>	<u>78.319.292.105</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán tiền mua dầu và công nợ với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	3.757.962.845	74.561.329.260	78.319.292.105
Số tiền vay phát sinh trong năm	29.777.036.235	-	29.777.036.235
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	72.017.242.366	72.017.242.366
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	(1.306.771.377)	(1.306.771.377)
Số tiền vay đã trả trong năm	(28.485.633.604)	(73.254.557.883)	(101.740.191.487)
Số cuối năm	5.049.365.476	72.017.242.366	77.066.607.842

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan		
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	164.633.001.418	143.122.894.109
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính ⁽ⁱ⁾	-	6.322.363.840
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	149.869.183.740	67.956.566.890
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	7.177.894.199
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ^(iv)	14.763.817.678	61.666.069.180
Cộng	164.633.001.418	143.122.894.109

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng để mua xe nâng và cần cẩu với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.
- Hợp đồng vay để mua tàu HaiAn Park với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay đến ngày 05/5/2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần, lãi suất cho vay năm đầu tiên là 5%, từ năm thứ hai trở đi lãi suất bằng lãi suất Libor kỳ hạn 6 tháng + 3,2%/ năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTĐ/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.
 - Hợp đồng vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN Bell của Dự án.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay 25-10.14/HĐTĐ/TPB.HTH ngày 16/10/2014 để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAIAN SONG.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay với lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty.
 - Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	72.017.242.366	74.561.329.260
Trên 1 năm đến 5 năm	164.633.001.418	143.122.894.109
Trên 5 năm		
Cộng	<u>236.650.243.784</u>	<u>217.684.223.369</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	143.122.894.109	108.841.311.351
Số tiền vay phát sinh	143.927.623.500	115.175.000.000
Số tiền vay đã trả	(51.314.104.800)	
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(72.017.242.366)	(80.737.608.361)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	913.830.975	(155.808.881)
Số cuối năm	<u>164.633.001.418</u>	<u>143.122.894.109</u>

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.648.342.710
Tăng do trích lập	
Số sử dụng	
Số cuối năm	<u>2.648.342.710</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	10.410.013.213	5.515.000.000	(1.461.795.000)	14.463.218.213
Quỹ thưởng Ban điều hành công ty	6.572.344.434	4.135.000.000	(6.075.900.000)	4.631.444.434
Cộng	<u>16.982.357.647</u>	<u>9.650.000.000</u>	<u>(7.537.695.000)</u>	<u>19.094.662.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922 (50.000.000)	(10.359.064.178)	131.730.070.809	153.894.000.153 (113.115.860.000)	8.442.749.166	574.458.456.872 (50.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	113.115.860.000	-	(4.561.855.500)	-	-	-	(4.561.855.500)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	157.180.820.000	-	157.180.820.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	147.270.464.201	5.302.962.902	152.573.427.103
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.334.000.000	(29.823.000.000)	-	(9.489.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33.934.765.000)	-	(33.934.765.000)
Số dư cuối năm trước	345.078.180.000	58.738.380.922	(14.920.919.678)	152.064.070.809	124.290.839.354	170.926.532.068	836.177.083.475
Số dư đầu năm nay	345.078.180.000	58.738.380.922	(14.920.919.678)	152.064.070.809	124.290.839.354	170.926.532.068	836.177.083.475
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142.749.330.000	56.868.232.000	-	-	-	-	199.617.562.000
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	67.571.000.000	67.571.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	135.158.763.266	23.736.600.478	158.895.363.744
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.500.000.000	(37.150.000.000)	-	(9.650.000.000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33.934.765.000)	-	(33.934.765.000)
Số dư cuối năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	188.364.837.620	262.234.132.546	1.218.676.244.219

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2017, ngày 16/4/2018, Công ty đã thực hiện chào bán 16.967.382 cổ phần ra công chúng với giá chào bán 14.000 VND/Cổ phần. Mục đích huy động để thực hiện Dự án xây dựng kho bãi container tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Hải Phòng, trị giá 212,6 tỷ và bổ sung vốn lưu động 24,943 tỷ.

Kết thúc đợt chào bán, Công ty đã phát hành được 14.274.933 cổ phần, tương đương 199.617.562.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	34.507.818
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	34.507.818
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	34.507.818
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	573.053	573.053
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	33.934.765
- Cổ phiếu phổ thông	48.209.698	33.934.765
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 0206-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	: 67.869.530.000
Trong đó:	
Số đã tạm ứng năm 2017	: 33.934.765.000
Số phải thanh toán năm 2018	: 33.934.765.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	: 27.500.000.000
Trích quỹ Ban điều hành	: 4.135.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.515.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.073.229,92	1.740.799,27
Euro (EUR)	312,75	1.219,58
Dollar Singapore (SGD)	-	5.801,30

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	203.150.743.738	255.616.188.737
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	795.651.564.319	484.253.706.707
Trong đó:		
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD</i>		145.189.402.104
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	118.867.336.490	74.681.101.798
<i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i>	10.399.266.151	
Doanh thu hoạt động khác	55.480.816.324	38.059.738.888
Cộng	<u>1.054.283.124.381</u>	<u>777.929.634.332</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	44.294.990.122	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	3.918.598.726	
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1.034.930.353	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	2.807.272.726	2.710.700.578
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	88.586.511	95.363.636
Công ty Cổ phần Hải Minh	112.454.551	253.818.178
Công ty Cổ phần Transimex	4.616.363.635	5.883.636.324
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	19.621.818	601.422.272
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	1.822.556.668	1.753.105.731
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	16.697.124.504	8.244.761.374
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	4.606.629.366	5.326.068.384
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương		897.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	113.300.072.496	143.751.359.943
Giá vốn của hoạt động tàu	684.872.195.939	405.054.916.753
Trong đó:		
Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD	-	96.101.465.445
Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD	108.201.348.121	65.900.955.067
Giá vốn khai thác tàu Hải An Link	9.275.219.702	
Giá vốn dịch vụ khác	36.807.119.746	25.504.278.132
Cộng	<u>834.979.388.181</u>	<u>574.310.554.828</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.135.501.574	6.647.721.924
Lãi tiền cho vay	135.526.027	452.525.234
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.562.355.911	8.156.084.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.085.658.437	917.244.874
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	752.846.683	386.969.951
Cộng	<u>14.671.888.632</u>	<u>16.560.545.983</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.127.084.332	5.944.080.436
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.045.582.913	368.495.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	249.641.773	171.664.183
Cộng	<u>10.422.309.018</u>	<u>6.484.240.121</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	30.007.658.310	17.129.759.377
Chi phí vật liệu quản lý	1.822.250.818	1.641.527.681
Chi phí đồ dùng văn phòng	619.101.648	931.661.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.865.551.535	1.846.776.176
Thuế, phí và lệ phí	158.501.000	55.640.850
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	541.089.212	(187.533.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.248.769.646	5.883.652.637
Các chi phí khác	15.040.126.093	18.091.885.846
Cộng	<u>61.303.048.262</u>	<u>45.393.370.359</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
BCC chia lãi thanh lý tài sản cố định	19.940.106.330	
Tiền bồi thường	2.897.056.881	1.500.127.747
Xử lý công nợ	778.627.435	
Thu nhập khác	146.204.103	49.563.216
Cộng	<u>23.761.994.749</u>	<u>1.549.690.963</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	109.087.436	750.542.110
Bồi thường tổn thất	125.875.243	445.106.274
Xử lý công nợ	21.770.000	
Chi phí khác	109.095.820	26.579.636
Cộng	<u>365.828.499</u>	<u>1.222.228.020</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	135.158.763.266	147.270.464.201
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT ⁽ⁱ⁾	(8.856.372.339)	(9.650.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	126.302.390.927	137.620.464.201
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	41.209.114	33.964.003
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.065</u>	<u>4.052</u>

⁽ⁱ⁾ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2018 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018 (6,5%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	33.934.765	22.740.129
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 3 năm 2017		(87.713)
Ảnh hưởng của 11.311.586 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.311.586
Ảnh hưởng của 14.274.933 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018	7.274.349	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>41.209.114</u>	<u>33.964.003</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.972.314.208	189.255.787.940
Chi phí nhân công	103.133.738.840	75.108.621.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.186.620.292	79.390.420.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	315.388.617.022	126.937.033.050
Chi phí khác	69.693.335.316	149.012.061.852
Cộng	<u>891.374.625.678</u>	<u>619.703.925.187</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn bằng lợi nhuận chưa phân phối vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức		5.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		113.115.860.000
Cộng		<u>118.115.860.000</u>

2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho Cổ đông Công ty mẹ	199.617.562.000	
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho Cổ đông không kiểm soát	67.571.000.000	157.180.820.000
Cộng	<u>267.188.562.000</u>	<u>157.180.820.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 540.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 540.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.934.618.545	4.408.032.170
Phụ cấp	982.000.000	540.000.000
Tiền thưởng	2.002.000.000	
Cộng	<u>6.918.618.545</u>	<u>4.948.032.170</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty liên doanh Vận tải Công nghệ cao (Transvina)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs (Macs)		
Chia cổ tức cho Bên liên quan	1.546.875.000	1.546.875.000
Tiền điện		26.965.800
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng (giảm phí)	17.444.700	
Công ty Cổ phần Hải Minh		
Chia cổ tức cho Bên liên quan		412.500.000
Công ty Cổ phần Transimex		
Chia cổ tức cho Bên liên quan	4.414.385.000	6.836.235.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	653.981.820	574.105.453
Sử dụng dịch vụ khác		29.840.909
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chia cổ tức cho Bên liên quan	3.045.000.000	3.045.000.000
Chi phí thuê văn phòng	2.404.410.912	1.689.183.600
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		876.070.000
Sử dụng dịch vụ khai thác dịch vụ đại lý		360.900.602
Sử dụng dịch vụ khác		163.718.225
Sử dụng dịch vụ tư vấn	2.074.260.000	835.010.000
Tiền thuê văn phòng, tiền điện tại Hồ Chí Minh	460.685.757	116.496.114
Nhận vốn góp BCC		20.000.000.000
Trả vốn góp BCC	10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Chia cổ tức cho Bên liên quan	1.242.811.000	1.740.601.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		37.352.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Chia cổ tức cho Bên liên quan	300.330.000	300.330.000
Phải trả phí làm thủ tục hải quan	5.839.660	
Nhận vốn góp BCC		10.000.000.000
Trả góp vốn BCC	5.000.000.000	
Vay	3.000.000.000	
Trả tiền vay	3.000.000.000	
Sử dụng dịch vụ đại lý	13.239.672.685	6.060.755.659
Bên liên quan chia cổ tức	700.000.000	500.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		297.600.000
Sử dụng dịch vụ đại lý	6.600.000	42.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		1.310.420.909
Sử dụng dịch vụ đại lý	3.469.076.909	882.051.333
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
Chia cổ tức cho Bên liên quan		1.300.320.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13, V.16 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	203.150.743.738	795.651.564.319	55.480.816.324	1.054.283.124.381
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.150.743.738	795.651.564.319	55.480.816.324	1.054.283.124.381
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.850.671.242	110.779.368.380	18.673.696.578	219.303.736.200
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(61.303.048.262)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				158.000.687.938
Doanh thu hoạt động tài chính				14.671.888.632
Chi phí tài chính				(10.422.309.018)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				2.189.059.147
Thu nhập khác				23.761.994.749
Chi phí khác				(365.828.499)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(28.940.129.205)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				158.895.363.744
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.366.405.455	238.286.417.522	82.324.682.217	325.977.505.194
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	47.971.024.535	57.062.554.648	13.747.408.160	118.780.987.343
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	255.616.188.737	484.253.706.707	38.059.738.888	777.929.634.332
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	255.616.188.737	484.253.706.707	38.059.738.888	777.929.634.332
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	111.864.828.794	79.198.789.954	12.555.460.756	203.619.079.504
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(45.393.370.359)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				158.225.709.145
Doanh thu hoạt động tài chính				16.560.545.983
Chi phí tài chính				(6.484.240.121)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				3.965.075.161
Thu nhập khác				1.549.690.963
Chi phí khác				(1.222.228.020)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(20.021.126.008)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				152.573.427.103
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15.628.634.191	279.921.213.904	122.994.012.224	418.543.860.319
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	46.337.402.380	48.887.275.324	4.870.411.656	100.095.089.360

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	504.585.763.378	671.054.654.637	200.696.339.783	1.376.336.757.798
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				279.642.750.499
Tổng tài sản				1.655.979.508.297
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	41.645.320.294	302.096.156.607	41.462.024.923	385.203.501.824
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				52.099.762.254
Tổng nợ phải trả				437.303.264.078
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269.495.527.060	610.626.356.711	146.357.042.122	1.026.478.925.893
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				282.592.349.330
Tổng tài sản				1.309.071.275.223
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61.725.706.773	276.811.242.921	52.581.389.399	391.118.339.093
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				81.775.852.655
Tổng nợ phải trả				472.894.191.748

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

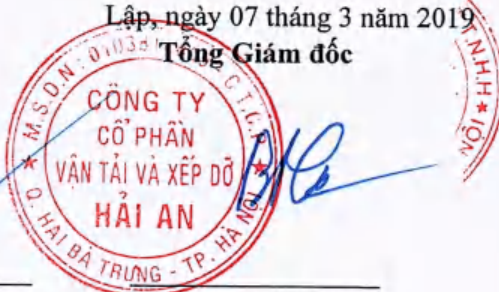
Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải